PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tiếp theo Công báo số 415 + 416)

Phụ lục IA. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

22. CÔNG TY TNHH MINH HUY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2775	Penicillin	Penicillin potasium	Lọ, chai	1; 10 triệu UI, 50 triệu UI	Trị nhiễm khuẩn Gr (+) như viêm nhiễm đường hô hấp, sinh dục	HCM-X4-1
2776	Streptomycin	Streptomycin sulfat	Lọ, chai	1, 10, 50g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr (-) như viêm nhiễm đường hô hấp	HCM-X4-2
2777	Combiocin	Penicillin potasium, Streptomycin	Lọ	1000000UI Peni + 1g strep	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr (+) và Gr (-)	HCM-X4-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2778	Gentamycin Sulfat	Gentamycin sulfat	Ống Lọ	2ml 10, 50, 100ml	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, sinh dục, viêm màng não	HCM-X4-4
2779	Chlorasone	Oxytetracycline, Colistin, Dexamethasone	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm khớp, viêm cuống phổi, viêm ruột, viêm vú, THT, PTH	HCM-X4-5
2780	Tetramycin D	Oxytetracycline HCL	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, THT, đóng dấu, viêm vú, tử cung, viêm xoang mũi, CRD	HCM-X4-7
2781	Gentatylo-D	Gentamycin sulfat, Tylosin, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X4-9
2782	Tylanvit	Tylosin tartrate, Vitamin B1; B2; B6; PP	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, đường sinh dục, đóng dấu, tụ huyết trùng	HCM-X4-10
2783	Tylo DC	Tylosin tartrate, Colistin sulfat,	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục, tiêu chảy phân trắng, phân xanh	HCM-X4-11
2784	Strepto-Terramycin	Oxytetracycline HCL, Streptomycine sulfat	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200g; 0,5-1kg	Trị THT, thương hàn, viêm phổi	HCM-X4-14
2785	Ampicilline	Ampicillin sodium	Gói Lọ	5, 10g 1, 10g	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục và viêm khớp	HCM-X4-18
2786	Septotryl 24%	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị phân trắng, thương hàn, viêm ruột, viêm phổi	HCM-X4-19
2787	Levamisol 7.5%	Levamisol HCL	Lọ	10, 100ml	Trị giun đũa, giun tròn, giun lươn ở phổi và dạ dày ruột	HCM-X4-21
2788	Tetramisol 10%	Levamisol HCl	Gói	2, 5g	Trị giun đũa, giun tròn	HCM-X4-23
2789	Sultetra Coli C	Sulfamethaxazol, Oxytetracyclin,Vit C	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị E.coli các bệnh đường tiêu hóa, đường hô hấp, sinh dục	HCM-X4-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2790	Terramycin Eg g Formula	Oxytetracyclin,Vitamin A, C, D, E, B1, B2, Ca	Gói Lọ	5, 10, 20, 50, 100g; 0,5-1kg; 100g	Nâng cao năng suất trứng, phòng các bệnh ở gia cầm	HCM-X4-25
2791	Terratiamulin (Trị CRD)	Oxytetracyclin HCL, Tiamulin	Gói, lon	5, 10, 20g; 100, 500; 200,1kg	Phòng và trị CRD, E.coli, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy	HCM-X4-28
2792	NeoTetrasol	Neomycin, Vitamin C, Oxytetracyclin HCL	Gói	5, 100g; 0,5-1kg	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, viêm phổi, tiêu chảy, viêm dạ dày	HCM-X4-29
2793	Terramycin 500	Oxytetracyclin HCL, Vitamin A, D, E	Gói	5,10, 20, 30, 50, 200, 500g, 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp CRD, đường ruột,...	HCM-X4-30
2794	Becozyme (B.Complex)	Vitamin B1, B2, B6, PP	Ống Lọ, chai	2ml 250, 500ml	Phòng chống gầy còm của gia súc có chửa, gia súc non chậm lớn	HCM-X4-31
2795	B. Complex fort	Vitamin B1, B2, B6, PP	Ống	2ml	Tăng sức đề kháng, tăng trọng	HCM-X4-32
2796	ADE B Complex	Vitamin B1, B2, B6, PP, A, D, E, Ca	Lọ	20, 100, 250, 500ml	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin	HCM-X4-33
2797	B. Complex	Vitamin B1, B2, B6, PP, Ca	Lọ	20, 100, 250, 500ml	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin	HCM-X4-34
2798	Vitamin ADE	Vitamin A, D, E	Lọ	20, 100ml	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin	HCM-X4-35
2799	Amino Booster (Kích sữa heo nái)	Vitamin B1, B2, B6, PP, B12, Ca, Methionin, Ferric amonium citrate	Lọ	10, 20, 100, 500ml	Tăng tạo sữa cho lợn nái sau khi sinh, giúp gia súc non còi cọc, phát triển nhanh	HCM-X4-36
2800	Vitamin B12	Vitamin B12	Ống, lọ	2ml,10ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu B12, chống suy nhược, còi cọc	HCM-X4-37
2801	Daxavet	Dexamethasone acetat	Ống, lọ	5, 50, 100ml	Chống viêm, chống sốc	HCM-X4-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2802	Analgin	Analgin	Ống Lọ	2, 5, 50, 100ml	Hạ nhiệt, phối hợp với kháng sinh để điều trị các bệnh nhiễm trùng	HCM-X4-39
2803	Eucalyptyl	Tinh dầu khuynh diệp camphor	Ống Lọ, chai	2ml 10, 50, 100ml	Sát trùng đường hô hấp, hạ nhiệt, kích thích hô hấp và tim mạch	HCM-X4-40
2804	Camphona	Camphor	Ống Lọ, chai	2ml 10, 50, 100ml	Gây hưng phấn thành kinh trung ương, tuần hoàn	HCM-X4-41
2805	Vitamin C	Vitamin C	Ống, chai, gói, lon	5, 20, 50, 100ml 100g, 1kg	Phòng và trị thiếu vitamin C	HCM-X4-42
2806	ECP	Estradiol benzoat	Lọ, chai	4ml	Giảm động dục, thụ thai, rối loại sự rụng trứng	HCM-X4-43
2807	Vitamin B1 2,5%	Vitamin B1	Ống, lọ	10ml	Bổ sung vitamin	HCM-X4-44
2808	Strychnal B1	Strychnin sulfat, Vit B1	Ống	5ml	Kích thích hoạt động của cơ	HCM-X4-45
2809	Strychnin 0,1%	Strychnin sulfat	Ống	2ml	Kích thích hoạt động của cơ	HCM-X4-46
2810	B Complex	Vitamin A, D, E, B2, B6, PP, C	Gói Lọ, chai	100g; 0,5-1kg 100g	Phòng chống gầy còm cho gia súc, gia cầm non chậm lớn	HCM-X4-47
2811	Polyvitamin	Vitamin A, D, E, B2, B6, PP, C	Viên, gói, lon	0,5g	Tăng sức đề kháng, sinh sản, phòng trị còi xương, bệnh về gan, viêm da	HCM-X4-48
2812	ADE vit (ADE vit B Complex)	Vitamin A, D, E, B2, B6, PP, C	Gói	10, 100g; 0,2g, 0,5kg, 1kg	Bổ sung vitamin	HCM-X4-49
2813	Sinh lý mặn 0,9%	NaCL	Lọ, chai	100ml	Dung dịch pha, tiêm, dịch truyền	HCM-X4-51
2814	Sinh lý ngọt 5%	Glucose	Lọ, chai	100ml	Dung dịch pha, tiêm, dịch truyền	HCM-X4-52
2815	Xanh methylen	Methylen blue	Lọ, chai	50, 100ml	Sát trùng vết thương ngoài da	HCM-X4-55

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2816	Cồn Iod	Iod, IK	Lọ, chai	50, 100ml	Sát trùng vết thương ngoài da	HCM-X4-56
2817	Tiamulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Ống Lọ	2ml 10, 50ml	Trị bệnh suyễn, viêm khớp, tiêu chảy, viêm vú và tử cung, CRD,...	HCM-X4-58
2818	Norflox	Norfloxacin HCL	Ống, lọ	2,10, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, THT	HCM-X4-59
2819	Bactrim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim, Dexa	Lọ	10, 100ml	Trị tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm ruột, viêm phổi, THT	HCM-X4-60
2820	A.T.S-Đặc trị tiêu chảy	Ampicillin trihydrat, Tiamulin	Lọ	10, 100ml	Trị các bệnh thương hàn, viêm ruột, viêm phổi, tụ huyết trùng	HCM-X4-61
2821	Terramulin D	Oxytetracycline HCl, Tiamulin	Lọ	10, 100ml	Trị bệnh suyễn, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm vú, cúm	HCM-X4-62
2822	Ca B.Complex B12	Vitamin B1, B2, B6, PP, B12, Ca, Acid amin	Lọ	10, 20, 100, 500ml	Trị suy dinh dưỡng, còi cọc	HCM-X4-66
2823	Hemato Vet B12	Na Cacodylat, Vitamin B12, Fe, Acid amin	Ống Lọ	2, 5ml 50ml	Trợ sức sau khi bị bệnh truyền nhiễm, phòng chống suy dinh dưỡng	HCM-X4-67
2824	ADE Methionin	Vitamin A, D, E, Methionin Oxytetracycline HCL	Gói	100g; 0,5-1kg	Bổ sung vitamin, khoáng vi lượng, tăng sức đề kháng	HCM-X4-68
2825	Amino Complex	Vitamin A, D, E, Methionin Oxytetracycline HCL	Gói	100g, 0,5kg, 1kg	Bổ sung axit amin, phòng và trị còi cọc, suy nhược kém ăn	HCM-X4-69
2826	Polyvitamin (Antigumboro)	Vitamin B1, B2, A, D, K3, B12, Ca, Acid amin	Gói	10, 20, 100g; 1kg, 10kg	Phòng và trị còi xương, kích thích tăng trưởng, tăng sức đề kháng	HCM-X4-70
2827	Calci ADE Vit	Vitamin A, D, E, Ca	Gói	5, 10, 50, 100, 220g; 0,5-1kg	Phòng và trị còi xương, chậm lớn, đẻ non, bại liệt	HCM-X4-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2828	Sulfat Kẽm	ZnSO4	Gói	5g, 10g	Bổ sung khoáng	HCM-X4-72
2829	Sulfat Magnesium	MgSO4	Gói	5g, 10g	Phòng và trị bệnh do thiếu Mg	HCM-X4-73
2830	Ampi - Coli	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfat	Gói, lọ	10, 50, 100g 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm khớp	HCM-X4-76
2831	Antiscour (Trị tiêu chảy)	Ampicillin trihydrat, Colistin, Vitamin A, D, E	Gói, lon, chai	5, 10, 20, 50, 100g; 0,5-1kg, 10, 100ml	Phòng và trị các bệnh viêm dạ dày ruột, tiêu chảy do E.coli	HCM-X4-77
2832	Coliterra (Trị thương hàn - úm gà, vịt con)	Oxytetracyclin HCL, Colistin, Vitamin A, D, E	Gói, lon	5, 10, 20, 100g, 1kg	Trị các bệnh thương hàn do E.coli, THT, viêm khớp, viêm xoang	HCM-X4-78
2833	Anticoc	Sulfamethoxazol, Diaveridine	Gói	3, 5, 10, 20, 50, 100, 200g	Phòng và trị bệnh cầu trùng ở gia súc, gia cầm	HCM-X4-79
2834	Colistin Sulfat	Colistin sulfat	Ống, lọ	5,10, 20, 50, 100ml	Trị thương hàn, THT, tiêu chảy, viêm phổi, viêm đường sinh dục	HCM-X4-80
2835	Neocolistin	Neomycine, Colistin sulfat	Gói, lọ, lon	5, 10, 20, 50, 100g 5, 10, 50, 100, 250ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, phù đầu, sưng khớp, THT	HCM-X4-81
2836	Cảm cúm gia súc, gia cầm	Analgin, Vitamin C, Oxytetracyclin	Gói, lọ, lon	5; 10; 100g	Giúp hạ nhiệt, giảm đau, tăng sức đề kháng, trị tiêu chảy viêm ruột	HCM-X4-82
2837	Tylan 2,5%	Tylosin	Ống, lọ	2, 5, 5, 10, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp và sinh dục	HCM-X4-84
2838	Vermisol	Niclosamide, Levamisol	Viên	0,8; 1,6; 3,2; 8g	Xổ giun đũa, giun kim, giun tròn	HCM-X4-87
2839	Colimutin	Colistin sulfate, Tiamulin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị hen suyễn, tiêu chảy phân trắng, THT và các bệnh đường hô hấp	HCM-X4-90

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2840	Spiramycin 20%	Spiramycin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm đường sinh dục, tiêu hóa, viêm xoang, viêm bao hoạt dịch	HCM-X4-92
2841	Norflox 33%	Norfloxacin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	HCM-X4-96
2842	Dibio D	Ampicillin, Colistin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh do E.coli, bệnh đường tiêu hóa, viêm khớp	HCM-X4-93
2843	Analgin C	Analgin, vitamin C	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, phối hợp với kháng sinh trị nhiễm trùng	HCM-X4-94
2844	Spira Coli	Spiramycin, Colistin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X4-95
2845	Sulfa 20%	Sulfamethoxazol	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn toàn thân, đường sinh dục, tiết niệu, hô hấp	HCM-X4-97
2846	Neospray	Neomycin sulfat	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng ngoài da, sát trùng vết thương	HCM-X4-98
2847	Chlortetracycline WS	Chlotetracyclin HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-99
2848	Doxy 20% WS	Doxycycline HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-100
2849	Doxycoli WS	Doxycycline HCl Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-101

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2850	Doxy Neo WS	Doxycycline HCl Neomycin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-102
2851	Genta Doxy WS	Doxycycline HCl Gentamycin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-103
2852	Lincomycin 10% WS	Lincomycin HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin trên heo, gia cầm	HCM-X4-104
2853	Florfenicol WS	Florfenicol	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HCM-X4-105
2854	Neomycin WS	Neomycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, viêm ruột trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X4-106
2855	Vermisole	Niclosamide, Levamisole	Viên	3.2g; 8g	Trị giun, sán trên chó, mèo	HCM-X4-107
2856	AMOX - BRO	Amoxycyclin, Bromhexin HCl	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu - sinh dục, đường tiêu hóa trên lợn, gia cầm	HCM-X4-108
2857	AMOX - COLI	Amoxycyclin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X4-109
2858	DOXY COLI W.S	Doxycyclin, Colistin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Nhiễm trùng dạ dày ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X4-110
2859	DOXYVET	Doxycycline	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X4-111

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2860	ENROVET	Enrofloxacine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột và đường sinh dục ở bê, nghé, dê, cừu, heo và gia cầm	HCM-X4-112
2861	FLORFENICOL	Florfenicol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HCM-X4-113
2862	FLUMEQUIN	Flumequin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị Colibacillosis, tụ huyết trùng, Salmonellosis trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X4-114
2863	GENTA DOXY W.S	Doxycyclin, Gentamycin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X4-115
2864	LINCO-COLI	Lincomycin HCl Colistin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, lỵ, viêm phổi địa phương, viêm khớp, bệnh nhiễm trùng do Mycoplasma trên heo, gia cầm	HCM-X4-116
2865	NEO-DOX	Doxycyclin, Neomycin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X4-117
2866	T COLI-5000	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM-X4-118
2867	TIAMULIN	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị lỵ, viêm phổi, C.R.D, viêm xoang mũi trên heo, gia cầm	HCM-X4-119
2868	TRIME - DOX	Doxycyclin, Trimethoprim	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X4-120

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2869	TYLAN-DOX	Doxycyclin, Tylosin tartrae	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X4-121
2870	TYLOSIN	Tylosin tartrate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1kg	Trị CRD, viêm xoang mũi trên gia cầm; trị ly, tiêu chảy trên heo	HCM-X4-122
2871	DOXY A.B	Doxycyclin, Bromhexin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị Colibacillosis, CRD trên gia cầm	HCM-X4-123
2872	FLOR -DOX	Florfenicol, Doxycyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên bò, ngựa, dê, heo, chó, mèo, thỏ	HCM-X4-124
2873	T. COLI	Colistin sulfate, Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột trên heo con, dê non, cừu non	HCM-X4-125
2874	TILMICOSIN	Tilmicosin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc	HCM-X4-126
2875	SPECTIN	Spectinomycin, Lincomycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X4-127

23. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y THỊNH Á

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2876	Pig scour	Streptomycin, Neomycine	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-1
2877	Anti Gumboro	Vitamin nhóm B, khoáng	Gói, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Tăng cường sức đề kháng của gia cầm	HCM-X11-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2878	ASI Flumevet	Flumequine Vitamin A, C	Gói, hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500; 1.000g	Điều trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột, đường tiết niệu ở bê, heo, gia cầm	HCM-X11-4
2879	Trẹo chân gà	Vitamin, khoáng, Acid amin	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Bổ sung vitamin và khoáng	HCM-X11-5
2880	Genta-Tylo Pred	Tylosin, Gentamycin, Prednisolone	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị THT, viêm vú, viêm tử cung, thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, viêm rốn	HCM-X11-6
2881	Colitetravet	Colistin	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị ỉa chảy phân trắng, thương hàn, viêm phổi, viêm xoang mũi, CRD	HCM-X11-7
2882	Aminopolyvital	Vitamin, Lysin, Methionine	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị các chứng suy dinh dưỡng do thiếu Vitamin. Tăng cường sức đề kháng	HCM-X11-8
2883	Tiodoxy Complex	Tiamutin, Doxycycline	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị bệnh thương hàn, tiêu chảy, THT, nhiễm trùng máu, CRD, bệnh phù đầu	HCM-X11-11
2884	Tetra trứng	Chlotetracycline, Vitamin	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Bổ sung vitamin và phòng bệnh cho gia cầm	HCM-X11-14
2885	CRD 97	Lincomycine, Tetracycline	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh CRD cho gà	HCM-X11-15
2886	B complex C	Vitamin nhóm B, C	Gói	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị các bệnh thiếu Vit nhóm B, C	HCM-X11-16
2887	Toi gà vịt	Chlortetracyclin Streptomycine, Vit B1 B2, B5, B6, C, PP. K3	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị toi gà vịt ở gia cầm	HCM-X11-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2888	Tiêu chảy heo	Apramycine, Colistin	Gói	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị tiêu chảy heo	HCM-X11-19
2889	CRD 95	Tiamulin, Erythromycin	Gói	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh CRD cho gia cầm	HCM-X11-20
2890	Corydon C	Erythromycine	Gói	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-22
2891	Neorycine Complex	Erythromycine, Neomycine	Gói	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh đường hô hấp cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-25
2892	ASI Norfloxacin 5%	Norfloxacin	Gói hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500; 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột ở trâu, bò, gia cầm	HCM-X11-27
2893	Asi-tiamulin 10%	Tiamutin	Gói, chai lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh đường hô hấp cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-28
2894	Superstress	Kitasamycin, Vitamin	Gói, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng bệnh do vận chuyển	HCM-X11-29
2895	Neotadone C	Neomycine Tetracycline, Vitamin	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm và bổ sung vitamin	HCM-X11-33
2896	Tocamix 250	Colistin, Tetracycline Vitamin, Acid amin	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm và bổ sung vitamin	HCM-X11-34
2897	Aminivit	Acid amine, Vitamin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Bổ sung vitamin và acid amin	HCM-X11-35
2898	Analgin	Analgin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Giúp phục hồi, giảm sốt khi bệnh	HCM-X11-36
2899	ASI Enrofloxacin 100	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày - ruột, hô hấp ở bê và gia cầm	HCM-X11-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2900	ASI Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày - ruột, hô hấp ở bê và gia cầm	HCM-X11-41
2901	Gentamycine	Gentamycine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-42
2902	ASI Polymycin 500KU	Colistin	Ống, lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường dạ dày, ruột, máu, khớp ở trâu, bò, dê, heo	HCM-X11-43
2903	Lincocine	Lyncomycine	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh viêm khớp	HCM-X11-44
2904	Tylo-SP	Tylosin, Kanamycine	Gói	500g	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa	HCM-X11-46
2905	Tio coli	Tiamutin, Colistin	Gói	500g	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa	HCM-X11-47
2906	Suanotrim	Spiramycin, Trimethoprim	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-48
2907	Tylosin 50	Tylosin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	HCM-X11-51
2908	Tylosin 200	Tylosin	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-52
2909	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-53
2910	Enrofloxacin 5%	Enrofloxacine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-54
2911	Genta-Tylo	Tylosin, Gentamycine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-55
2912	Iodocase 1000	Iodocasein	Ống, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Kích thích tăng tiết sữa cho nái	HCM-X11-57
2913	Tiacyline	Tiamutin, chloteracycline	Gói, lọ	5, 10, 50, 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa	HCM-X11-58

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2914	Neodia	Neomycine, Vitamin C Tetracycline	Gói, lọ, chai	5, 10, 50, 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-59
2915	Genta ST	Gentamycine	Gói, lọ,	5, 10, 50, 100g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm, ở gia súc	HCM-X11-60
2916	Ery Tylo complex	Erythromycine, Tylosin, Vitamin	Gói, lọ, chai	5, 10, 50, 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-61
2917	Enroflox Coliscomplex	Enrofloxacine, Vitamin	Gói, lọ, chai	5, 10, 50, 100g; 1kg	Bổ sung vitamin và phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-62
2918	Tylocombi	Tylosin, Trimethoprim	Gói, lọ, chai	5, 10, 50, 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-63
2919	Vitamin C	Vitamin C	Lọ, chai	50, 100ml	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X11-65
2920	Gentamoxim	Amoxicilline, Gentamycine	Gói	5, 50, 100, 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-66
2921	Cephalothin	Cephalothin sodium	Chai, lọ	1, 2, 5, 10, 100g	Trị bệnh đóng dấu son cấp tính, viêm tử cung, viêm phổi, CRD, viêm vú	HCM-X11-67
2922	Norflox-5	Norfloxacin	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-68
2923	Oxytetra	Oxytetracyclin HCl	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-69
2924	Tiamulin 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-71
2925	Kanamycin	Kanamycin sulfate	Chai, lọ, gói	1, 2, 5, 10, 100g	Phòng và trị bệnh viêm phổi, nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X11-72
2926	Ampicillin	Ampicillin sodium	Chai, lọ	1, 2, 5, 10, 100g	Trị bệnh dấu son cấp tính, sốt sau khi sanh, viêm tử cung, viêm vú, sưng phổi	HCM-X11-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2927	L-spectin	Lincomycine, Spectinomycin	Chai, lọ, gói	1, 2, 5, 10, 100g	Trị bệnh dấu son cấp tính, sốt sau khi sanh, viêm tử cung, viêm vú	HCM-X11-74
2928	Analgin-C	Analgin, Acid Ascorbic	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Giúp tăng sức đề kháng, hạ sốt, chống stress ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-77
2929	Glucose 5%	Glucose	Chai, lọ	50, 100, 500ml	Tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-78
2930	Vitamin B12	Vitamin B12	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-80
2931	Streptomycine	Streptomycine sulfate	Chai, ống, lọ	1, 2, 5, 10, 100g	Phòng và trị bệnh viêm phổi, nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X11-81
2932	Biotyl	Bacillus subtilis, Lactose	Gói	5, 50, 100, 500g; 1kg	Bổ sung men tiêu hóa - giúp tăng tiêu hóa cho heo, gia cầm	HCM-X11-82
2933	Asi-Fenzol	Fenbendazol	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị sán ký sinh trong đường ruột, dạ dày, phổi, thận trên heo, gia cầm	HCM-X11-83
2934	Asi-Dox 20	Doxycycline hyclate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X11-84
2935	Asi-Flor 50	Florphenicol	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên heo, gia cầm	HCM-X11-85
2936	Asi-Gendox	Doxycycline hyclate Gentamycine sulfate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên heo, gia cầm	HCM-X11-86
2937	Asi-Vit C 20	Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Chống stress, tăng sức đề kháng, nhanh hồi phục sức khỏe sau điều trị	HCM-X11-87

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2938	Asi-Dox 50	Doxycycline hyclate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X11-88
2939	Asi-Toltrazuril 2.5%	Toltrazuril	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Phòng và trị cầu trùng trên heo con, gia cầm	HCM-X11-89
2940	Asi-Tiamulin 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, hồng lỵ trên heo, gia cầm	HCM-X11-90
2941	Asi-Anticoc	Sulfadimidine sodium, Diaveridine	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Phòng và trị cầu trùng, tiêu chảy, thương hàn trên heo, gia cầm	HCM-X11-91
2942	Asi-Flor 4	Florphenicol	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên heo	HCM-X11-92
2943	Asi-Florfenicol 10%	Florphenicol	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên heo, gia cầm	HCM-X11-93
2944	Asi-Analgin C	Analgin Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Chống stress, tăng sức đề kháng, hạ sốt, giảm đau, kháng viêm	HCM-X11-94
2945	Asi-Doxy 10%	Doxycycline hyclate	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X11-95
2946	Asi-Neodox	Neomycine sulfate Doxycycline hyclate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X11-96

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2947	Asi-C 25%	Vitamin C	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Phòng, chống các chứng thiếu Vitamin C. Tăng sức đề kháng, chống stress khi thay đổi thời tiết, chích ngừa, vận chuyển...	HCM-X11-97
2948	Asi-Analgin 20	Analgin	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Hạ sốt, giảm đau, chống stress, kháng viêm	HCM-X11-98
2949	Asi-Neomix 70	Neomycine sulfate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X11-99
2950	Asi-Tydox	Doxycycline hyclate Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X11-100
2951	ASI-ADEK POWDER	Vitamin A, D3, E, K3	Gói, hộp, lon, bao	10; 100; 250; 500g 1; 10kg,	Phòng, chống bệnh do thiếu Vitamin A, D3, E, K3	HCM-X11-101
2952	ASI-CIDE	Benzalkonium chloride (BKC), Glutaraldehyde,	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Sát trùng chuồng trại, cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, lò ấp trứng	HCM-X11-102
2953	ASI-HEPASOL	Sorbitol, Betain HCl, Lysine HCl, Methionine, Choline chloride, Magnesium sulphate, Cao Actisô	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5; 20; 200L	Cải thiện và kích thích chức năng gan, mật, ruột	HCM-X11-103
2954	ASI-VITAMIN K3 + C	Vitamin K3, Vitamin C	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5; 20; 200L	Phòng, chống stress gây bởi chủng ngừa, bệnh, vận chuyển, thay đổi nhiệt độ cao	HCM-X11-104
2955	ASI TILMICOSIN 250	Tilmicosin phosphate	Chai, can	100; 250; 500ml; 1L	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X11-105

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2956	ASI-OXYTETRA 20 LA	Oxytetracycline HCl	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, thấp khớp trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X11-106
2957	ASI-IVERMEC 1%	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị giun tròn, giun phổi, giun kim, rận, ve	HCM-X11-107
2958	ASI-VIT B12 1000	Cyanocobalamin (Vitamin B_{12})	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị chứng thiếu hụt Vitamin B12 kết hợp với sự thiếu hụt Cobalt trên gia súc	HCM-X11-108
2959	ASI-TILMICOSIN 20%	Tilmicosin	Gói, hộp, lon, bao	10; 100; 250; 500g; 1; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HCM-X11-109
2960	ASI-TOLTRAZURIL 5%	Toltrazuril	Chai, can	100; 250; 500ml; 1L	Trị cầu trùng trên heo, gia cầm	HCM-X11-110
2961	ASI-ADE	Vitamin A, D3, E	Gói, hộp, lon, bao	10; 100; 250; 500g 1; 10; 20kg	Trị bệnh do thiếu Vitamin A, D3, E. Phòng, chống stress gây bởi chủng ngừa, bệnh, vận chuyển, thay đổi thời tiết	HCM-X11-111
2962	ASI-AZIMYCIN 10%	Azithromycin	Gói, hộp, bon, bao	10; 100; 250; 500g 1; 10; 20kg	Trị CRD, coryza, thương hàn, E. coli	HCM-X11-112
2963	ASI-BCOMPLEX K	Vitamin B1, B2, B6, B12, PP, K3, Folic acid	Gói, hộp, lon, bao	10; 100; 250; 500g; 1; 10; 20kg	Trị bệnh do thiếu hụt các Vitamin B, K3. Sử dụng trong, sau khi bị stress, sau khi dùng kháng sinh, tiêm ngừa	HCM-X11-113
2964	ASI-ORESOL	Sodium chloride, Sodium citrate, Potassium chloride	Gói, hộp, lon, bao	10; 100; 250; 500g; 1; 10; 20kg	Chống stress, mất nước, mất chất điện giải do tiêu chảy	HCM-X11-114

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2965	ASI-OTC 50	Oxytetracycline hydrochloride	Gói, hộp, lon, bao	10; 100; 250; 500g; 1; 10; 20kg	Trị CRD, Colibacillosis, Salmonellosis, sổ mũi truyền nhiễm, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm màng hoạt dịch truyền nhiễm, viêm ruột	HCM-X11-115
2966	ASI-APRAMYCIN 10	Apramycin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên bò, heo, cừu	HCM-X11-116
2967	ASI-FLOR 30	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo	HCM-X11-117
2968	ATROPIN	Atropin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Giảm nhu động cơ trơn, chống co thắt, trị co thắt ruột, tiêu chảy nặng, co thắt khí - phế quản, phù thũng phổi, giảm đau - tiền mê trong phẫu thuật, giải độc trong các trường hợp ngộ độc Dipterex, Pilocarpine ở trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	HCM-X11-118
2969	DEXAZONE	Dexamethasone	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị dị ứng, phù nề, viêm khớp. Phối hợp kháng sinh trong điều trị viêm nhiễm trùng	HCM-X11-119
2970	ASI-BENZAL 50%	Benzalkonium chloride (BKC)	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Sát trùng chuồng trại, cơ sở chăn nuôi, kho hàng. Sát trùng dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi	HCM-X11-120
2971	Asi-Linco 4,4%	Lincomycin	Gói, hộp, lon, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị lỵ, viêm phổi trên heo, gia cầm	HCM-X11-121

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2972	Asi-Flordox	Florfenicol, Doxycycline hyclate	Gói, hộp	10, 100, 250, 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, sốt bỏ ăn không rõ nguyên nhân, viêm ruột, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, sưng phù đầu ở gia súc non	HCM-X11-122
2973	Asi-C 15%	Vitamin C	Gói, hộp	10, 100, 250, 500g; 1; 10; 20; 25kg	Tăng sức đề kháng, tăng khả năng miễn dịch, chống xuất huyết, chống Strees do các nguyên nhân khác nhau đối với gia súc, gia cầm	HCM-X11-123
2974	Asi-Flormix 50	Florfenicol	Gói, hộp	10, 100, 250, 500g; 1; 10; 20; 25kg	Phòng và trị các bệnh hô hấp ở gia súc, gia cầm gây ra bởi các loại vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol	HCM-X11-124
2975	Asi-Para + C	Paracetamol, Vitamin C, Sodium Chloride, Potassium Chloride	Gói, hộp	10, 100, 250, 500g; 1; 10; 20; 25kg	Hạ sốt, chống mất nước, cân bằng chất điện giải trong cơ thể; Chống stress do thay đổi nhiệt độ cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-125
2976	Linspes-125	Spectinomycin sulfate, Lincomycin HCl	Gói, hộp	10, 100, 250, 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, hồng lỵ, viêm ruột hoại tử trên heo	HCM-X11-126
2977	Asi-Florfenicol 20%	Florfenicol	Chai, lọ, bình, can	100, 250, 500ml; 1; 5 lít	Trị viêm ruột hoại tử, tiêu chảy; nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X11-127
2978	Asi-Doxy 100 La	Doxycyline HCL	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Phòng trị hội chứng MMA, viêm phổi và các nhiễm trùng gây bởi vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên heo	HCM-X11-128
2979	Asi-Florsone 400 LA	Florfenicol	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị các viêm đường hô hấp, viêm ruột tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	HCM-X11-129

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2980	Asi-Flordox Inj	Florfenicol, Doxycyline HCL	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh thương hàn, viêm ruột ỉa chảy, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, sưng phù đầu... do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol, Doxycyline gây ra ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-130
2981	Asi-Marbofloxacin 2%	Marbofloxacin, Didodium edetate, Thioglycerol, M-cresol	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin trên gia súc	HCM-X11-131
2982	Asi-Para C Inj	Paracetamol, Vitamin C	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Hạ sốt, giảm đau; hỗ trợ kháng sinh trị các bệnh nhiễm trùng, sốt cao trên gia súc	HCM-X11-132
2983	Asi-Iron Dextran 10%	Iron (dạng dextran)	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con; thiếu máu do nhiễm trùng máu, nhiễm ký sinh trùng) và mất máu ở gia súc	HCM-X11-133
2984	Asi-Tulacin	Tulathromycin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi do Mycoplasma, phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp kế phát trong bệnh tai xanh (PRRS) trên lợn	HCM-X11-134
2985	ASI-AMOX MAX	Amoxicillin	Gói, lon	10g, 50g, 100g, 250g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn trên gia súc, heo, gia cầm gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	HCM-X11-135
2986	ASI-AMOXCOL	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulphate	Gói, lon	10g, 50g, 100g, 250g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, đường hô hấp, niệu sinh dục	HCM-X11-136

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2987	ASI-AMOXI LA	Amoxicillin (dạng trihydrate)	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Ngăn ngừa và điều trị nhiễm trùng hệ thống tiêu hóa, niệu sinh dục gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với amoxicillin	HCM-X11-137
2988	ASI-AMPI	Ampicillin trihydrate	Gói, lon	10g, 50g, 100g, 250g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi E.coli, Clostridium, Salmonella, Brucella, Proteus, Klebsiella và	HCM-X11-138
2989	ASI-CEFQUI	Cefquinome	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, các vi sinh vật khác nhạy cảm với cefquinome	HCM-X11-139
2990	ASI-CEFTI	Ceftiofur hydrochloride	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp gây ra bởi Actinobacillus pleuropneumoniae, Pasteurella multocida, Pasteurella haemolytica và Haemophilus somnus trên lợn và gia súc	HCM-X11-140
2991	ASI-GENTAMOX	Amoxicillin trihydrate, Gentamicin (dạng sulphate)	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm khuẩn do E.coli, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm ruột do vi khuẩn, viêm vú	HCM-X11-141
2992	ASI-PENISTREP	Procaine penicillin G, Dihydrostreptomycin sulphate	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng khớp, tuyết vú, đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu gây ra bởi các vi sinh vật nhạy cảm với penicillin và dihydrostreptomycin	HCM-X11-145
2993	ASI-COTRIMFORT	Trimethoprim, Sulfadiazine (dạng sodium)	Gói, lon	10g, 100g, 250g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Phòng và trị nhiễm khuẩn hệ thống hô hấp, hệ thống tiêu hóa và đường niệu sinh dục ở gia cầm	HCM-X11-146
2994	ASI-NORFLOX 10	Norfloxacin	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Đặc trị viêm đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X11-147

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2995	ASI-NORFLOX ORAL	Norfloxacin	Chai	20ml, 50ml, 100ml, 250ml	Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin	HCM-X11-148
2996	ASI-POVIDINE	Povidone iodine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít	Tiêu diệt các vi khuẩn gram dương, gram âm, nấm mốc, vi rút	HCM-X11-149
2997	ASI-SUPERCOCCIDE	Amprolium HCl	Gói, lon	10g, 100g, 250g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Phòng, trị các bệnh cầu trùng gây ra bởi Eimeria	HCM-X11-150
2998	SPUTUMIZ	Bromhexine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Điều trị các bệnh về đường hô hấp truyền nhiễm	HCM-X11-151
2999	ANTI STERSS	Vitamin C, Potassium Chloride Sodium Chloride	Gói, lon	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phòng chống Stress và nâng cao sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-152
3000	ASI-SORBITOL + B12	Sorbitol, DL-Methionine, L-Lysine, Vitamin B12	Gói, lon	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Giúp tiết mật tốt ở gia súc, gia cầm, kích thích thèm ăn, trị chứng khó tiêu	HCM-X11-153
3001	ASI-AMOTYL	Amoxicillin trihydrate, Tylosin tartrate	Gói, lon	10g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Phòng ngừa và điều trị bệnh đường hô hấp	HCM-X11-154
3002	ASI-AZIMYCIN	Azithromycin	Gói, lon	10g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Điều trị CCRD, sổ mũi truyền nhiễm và nhiễm trùng gây ra bởi Synovitis Mycoplasma spp	HCM-X11-155

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3003	ASI-CEPTI	Cephalexin	Gói, lon	20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Đặc trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, đường tiết niệu - sinh dục	HCM-X11-156
3004	ASI-COSULTRIM	Sulfachloropyridazine, Trimethoprim	Gói, lon	10g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh do vi khuẩn ở gia cầm	HCM-X11-157
3005	ASI-FOSBAC	Fosfomycin, Tylosin tartrate	Gói, lon	10g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Fosfomycin và Tylosin	HCM-X11-158
3006	ASI-GENTACOLI	Gentamycin sulphate, Colistin sulphate	Gói, lon	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Phòng, trị các nhiễm trùng đường tiêu hóa, tiêt niệu, sinh dục trên gia súc, gia cầm	HCM-X11-159
3007	KANA	Kanamycin	Gói, lon	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, lao phổi	HCM-X11-160
3008	ASI-NORFLOX	Norfloxacin	Gói, lon	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Phòng và trị các bệnh do nhiễm khuẩn và Mycoplasma trên gia súc, gia cầm	HCM-X11-161
3009	TILMICOTIN	Tilmicosin, Colistin, Bromhexine	Gói, lon	10g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Đặc trị viêm phổi, viêm phế quản - phổi, viêm màng phổi - phổi, viêm xoang ngực	HCM-X11-162
3010	ASI-COLISTIN	Colistin	Gói, lon	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn gram âm	HCM-X11-163
3011	ASI-ENROFLOXACIN	Enrofloxacine	Gói, lon	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg, 20kg	Đặc trị bệnh đường hô hấp ghép bệnh đường tiêu hóa	HCM-X11-164

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3012	ASI-ADE + B.COMPLEX	Vitamin A; D3; E; B1; B2; B6; B12, Niacinamide (PP), D-panthenol	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 500ml, 1 lít	Cung cấp vitamin, điều trị các bệnh về da, cơ bắp và hệ thần kinh	HCM-X11-165
3013	ASI-B.COMPLEX	Vit B1; B2, Niacinamide (PP), Vit B6; Vit B12, D-panthenol	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 500ml, 1 lít	Cung cấp các Vitamin nhóm B cần thiết, nâng cao sức đề kháng, tăng cường khả năng chống chịu bệnh tật	HCM-X11-166
3014	ASI-BUTA B12	Butaphosphan, Cyanocobalamin	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Dùng để phòng ngừa và điều trị cho các trường hợp thiếu hụt chất dinh dưỡng	HCM-X11-167
3015	ASI-CALCIMAX	Calci gluconate, Calci glucoheptonate, Calci-d-saccharate, Acid Boric, Magnesium Chloride, Butaphosphan	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 500ml, 1 lít	Chống lại sự thiếu hụt canxi, đối với trường hợp sốt sinh, cho con bú	HCM-X11-168
3016	ASI-DOXY	Doxycycline	Chai, can	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít	Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	HCM-X11-169
3017	ASI-MARBOCIN	Marbofloxacin	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 1 lít	Đặc trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X11-170
3018	ASI-MARBOFORT	Marbofloxacin	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 1 lít	Đặc trị các bệnh hô hấp, tiêu hóa: Mycoplasma, Pasteurella, viêm teo xoang mũi truyền nhiễm, CRD	HCM-X11-171
3019	ASI-SULTRIM	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, thương hàn, tiêu chảy phân trắng	HCM-X11-172

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3020	ASI-VITAMIN AD3E	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Bổ sung vitamin A, D3, E cho cơ thể	HCM-X11-173
3021	ASI-ECOTRAZ 250	Amitraz	Chai, can	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 1000ml	Điều trị ve, ghẻ, bọ chét và rận ở gia súc	HCM-X11-174
3022	TIDIPIROSIN	Tildipirosin	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp lợn (SRD)	HCM-X11-175
3023	ASI-DANOFLOX 2,5%	Danofloxacine	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp ở bò và nhiễm trùng đường ruột	HCM-X11-176
3024	ASI-DANOFLOX 18%	Danofloxacine	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp ở bò (sốt do vận chuyển, viêm phổi) gây ra bởi Mannheimia haemolytica và Pasteurella multocida	HCM-X11-177
3025	ASI-NYSTANEO	Nystatin, Neomycin	Gói, lon	10g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg	Điều trị và phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi sinh vật nhạy cảm với neomycin	HCM-X11-178
3026	ASI-CLAMOXY WSP	Amoxicillin trihydrate, Clavulanic acid	Gói, lon	10g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng da, mô mềm trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X11-179
3027	ASI-CLAMOX	Amoxicillin trihydrate, Clavulanic acid	Chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 1 lít	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp: tiêu hóa	HCM-X11-180
3028	ASI-FLODOXY WSP	Flofenicol, Doxycyclin hyclate, Bromhexin HCl	Gói, lon	10g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg	Trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, sốt bỏ ăn không rõ nguyên nhân, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, sưng phù đầu	HCM-X11-181

24. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VIỆT VIỄN (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3029	Septycoli	Cephalexin, Colistin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-02
3030	COMPLEX DIARRHEA	Norfloxacin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm: tiêu chảy, thương hàn, viêm ruột	HCM-X15-03
3031	Tiêu chảy heo	Apramycin sulfate, Vitamin A, B1, K3	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan	HCM-X15-07
3032	TIÊU CHẢY HEO	Flumequin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh tiêu chảy trên heo	HCM-X15-07
3033	SUPER EGG	Tiamulin, Chlotetracyclin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	HCM-X15-09
3034	BCOMAX E	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, C, B_{12}, E, K_3	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin gây ra, stress do vận chuyển	HCM-X15-10
3035	VITAMAX-100	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_5, PP, C, K_3	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các chứng thiếu vitamin và khoáng vi lượng trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-11
3036	GUMBEST	Natri citrate, KCl, NaCl, Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, C, K_3	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Tăng cường sức đề kháng cơ thể, giúp gia cầm non khỏi bệnh Gumboro; kích thích tạo kháng thể	HCM-X15-12
3037	Dynadoxy plus	Tiamulin hydrogen Chlortetracyclin HCL, Dipyrone	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X15-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3038	KHOÁNG HEO	Fe, Zn, Mn, Cu, I, Se, Co, Ca	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Phòng chống còi xương, loãng xương, rụng lông, da khô, bại liệt ở heo nái đang cho con bú,...	HCM-X15-18
3039	KHOÁNG GIA CẦM	Fe, Zn, Mn, Cu, I, Se, Co, Ca	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Phòng chống các bệnh thiếu khoáng trên gia cầm như: còi cọc, xù lông, vỏ trứng mềm, bại liệt,...	HCM-X15-19
3040	ORALYTE	$NaHCO_3$, KCl, NaCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị mất nước do tiêu chảy sốt cao, stress hoặc di chuyển	HCM-X15-20
3041	ASCOVIT AD_3E	Vitamin A, D_3, E, C	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g,1; 2; 5; 10kg	Trị các chứng thiếu hụt vit A, D3, E C, tăng năng suất trứng của Gà, Vịt, Cút	HCM-X15-21
3042	LIỆT CHÂN GÀ VỊT	$NaHCO_3$, KCl, NaCl, vitamin A, D_3, E, C	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Cung cấp vitamin, khoáng, amino acid thiết yếu	HCM-X15-22
3043	TẨY GIUN	Levamisol HCl	Gói, bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Tẩy các loại giun sán đường phổi và đường ruột của heo, bò, gà, vịt, ngan	HCM-X15-23
3044	TYLOSIN 5%	Tylosin tartrate	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm khuẩn đường ruột, CRD...	HCM-X15-24
3045	LINCOJECT 10%	Lincomycin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị viêm khớp, suyễn heo, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú	HCM-X15-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3046	AMPIJECT 10%	Ampicillin trihydrate	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50,100ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi trùng nhạy cảm với ampicillin	HCM-X15-26
3047	SEPTRYL	Sulfadiazin, Trimethoprim	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphadiazin và Trimethoprim	HCM-X15-27
3048	GENDEXTYL	Tylosin tartrate, Gentamycin sulfate	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy; bệnh đường hô hấp ở gà, vịt	HCM-X15-29
3049	Gentaprim	Gentamycin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X15-31
3050	SPIRAJECT	Spiramycin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với spiramycin	HCM-X15-32
3051	GENTALIN	Gentamycin sulfate, Lincomycin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Điều trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiết niệu, viêm da có mủ	HCM-X15-33
3052	Ambactryl	Tiamulin HF, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị suyễn, tiêu chảy, viêm vú, THT trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-36
3053	Ery-Sep	Erythromycin, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hô hấp, đường ruột, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, heo, gia cầm	HCM-X15-37
3054	VIVCOSONE	Erythromycin, Oxytetracyclin HCl	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml, 100ml	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, tiêu hóa	HCM-X15-38
3055	TIACOLI	Tiamulin, Colistin sulfate	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị các bệnh viêm mũi, viêm xoang, viêm phổi, lỵ, tiêu chảy	HCM-X15-39
3056	ANALGIN	Methampyrone	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau, chống viêm, phối hợp để trị các bệnh viêm khớp, đau cơ, bong gân	HCM-X15-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3057	Linbactryl	Lincomycin Spectinmycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin và Spectinmycin trên trâu, bò, heo	HCM-X15-41
3058	BCOMPLEX	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Cung cấp vitamin nhóm B cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-43
3059	B.COZYM	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Cung cấp vitamin nhóm B cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-44
3060	VIVFERUM	Iron dextran	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	HCM-X15-46
3061	ASCOVIT 10%	Vitamin C	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Tăng sức đề kháng cho cơ thể, chống stress, chống mệt mỏi	HCM-X15-47
3062	LEVAJECT 10%	Levamisol	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Điều trị ký sinh trùng cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-48
3063	CAL-C-B12	Calci gluconate, Vitamin B_{12}, C	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Điều trị bệnh sốt sữa, co giật, tăng sức đề kháng	HCM-X15-49
3064	VITALJECT	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_5, PP, B_{12}	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Cung cấp vitamin nhóm B cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-50
3065	COLIPRIM	Colistin sulfate, Trimethoprim.	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với colistin và trimethoprim	HCM-X15-53
3066	PENSTREP	Penicillin G, Streptomycin sulfate	Lọ	1,628; 8; 16; 50; 100g	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và streptomycin	HCM-X15-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3067	KAMPI	Kanamycin sulfate, Ampicillin trihydrate	Lọ	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và kanamycin	HCM-X15-55
3068	KAPEN	Penicillin G, Kanamycin sulfate	Lọ	1,1; 5,5; 10; 30; 50; 100g	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và kanamycin	HCM-X15-56
3069	DYNATYL	Tiamulin fumarate, Tylosin tartrate	Lọ	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với tiamulin và tylosin	HCM-X15-57
3070	SPIRACOLI	Spiramycin adipate, Colistin sulfate	Lọ	0,3; 3; 6; 12; 30; 50; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với spiramycin và colistin	HCM-X15-58
3071	TYLO SC	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Lọ	0,55; 2; 7,5; 5,5; 11; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với tylosin và colistin	HCM-X15-59
3072	AMPI TYLO	Ampicillintrihydrate, Tylosin tartrate	Lọ	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với ampicillin và tylosin	HCM-X15-60
3073	VIVCOLI	Colistin sulfate	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng, trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng, phân xanh do E.coli, Salmonella	HCM-X15-61
3074	TERRAMYCIN-EGGFORMULA	Tetramycin HCl, Vitamin A	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g1; 2; 5; 10kg	Kích thích tăng sản lượng trứng, tăng sức đề kháng, tăng trọng trên gia cầm	HCM-X15-62
3075	FLUMIX	Flumequin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g1; 2; 5; 10kg	Phòng, trị thương hàn, cầu trùng, bạch lỵ, CRD, viêm phổi, THT, viêm dạ dày ruột trên heo con	HCM-X15-64

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3076	EST-Vita	Trimethoprim, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, TH, nhiễm trùng niệu, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X15-65
3077	STREPTO TERRAMYCIN ADE	Streptomycin sulfate, Oxytetracyclin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tụ huyết trùng, cầu trùng, tiêu chảy phân trắng,...	HCM-X15-66
3078	Ampiseptryl-Vita	Ampicillin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-67
3079	TYLANMOX ADE	Amoxycillin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp và tiêu hóa như: viêm phổi, THT, thương hàn, CRD	HCM-X15-68
3080	Tylan-Septotryl	Sulfadimidin, Tylosin, Vitamin C	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-69
3081	ADE BCOMPLEX C	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, C	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Ngăn ngừa bệnh thiếu vitamin, còi cọc, chậm lớn. Tăng sức đề kháng	HCM-X15-70
3082	NEOTETRAVITA	Neomycin sulfate, Tetramycin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, viêm xoang mũi vịt, THT, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, suyễn, viêm phổi	HCM-X15-71
3083	VITAFLASH ADE	Vitn A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, Methionin, Lysin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Giúp gia súc, gia cầm phát triển, tăng trọng nhanh. Phòng và trị bệnh khẹo chân gà,...	HCM-X15-72
3084	SPIRA-TETRAVET	Spiramycin adipate, Oxytetracyclin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Phòng,trị CRD gà, viêm xoang mũi, viêm phổi, THT heo, gà, vịt	HCM-X15-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3085	Colitetravit	Oxytatracyclin HCl, Colistin sulfate	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh: viêm phổi, tụ huyết trùng, E.coli, CRD, viêm xoang mũi, thương hàn heo, gà, vịt	HCM-X15-75
3086	TRỊ TIÊU CHẢY	Colistin sulfate, Sulfaguanidin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh tiêu chảy cấp và mãn tính trên heo	HCM-X15-77
3087	AMPICOLI	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh viêm ruột, tiêu chảy do E.coli, viêm rốn, viêm xoang mũi, CRD, tụ huyết trùng, thương hàn ở gia súc, gia cầm	HCM-X15-78
3088	EROMIX	Enrofloxacin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa: tiêu chảy phân trắng, thương hàn, PTH, kiết lỵ...	HCM-X15-80
3089	Bactrim fort	Sulfadimidin, Trimethoprim	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên heo và gia cầm	HCM-X15-81
3090	VITAMIN C ANTISTRESS	Vitamin C	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Trị các chứng thiếu máu, xuất huyết, dùng trong các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng	HCM-X15-90
3091	TERRAJECT	Oxytetracyclin HCl (Tetramycin 10%)	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị tiêu chảy phân trắng	HCM-X15-92
3092	Atropin sulfate	Atropin sulfate	Ống, lọ Chai	2; 5; 10; 20; 50ml 100ml	Giảm đau, điều hòa nhu động ruột	HCM-X15-93
3093	UROTROPIN 5%, 10%	Hexamethlentetramin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Sát trùng đường tiểu, lợi tiểu, hạ sốt, giải độc, có thể pha chung với kháng sinh	HCM-X15-94

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3094	CALCIGLUCONAT 10%	Calci gluconate	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50, 100ml	Phòng và trị các chứng bại liệt do thiếu calci ở gia súc, gia cầm	HCM-X15-96
3095	ERYTETRA-D	Erythromycin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, PTH, viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, viêm phổi, sốt bỏ ăn	HCM-X15-97
3096	SIREPA B12	Vitamin B_1, B_{12}, Amino acid, Sorbitol	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Kích thích tăng trọng, tăng tiết dịch tiêu hóa, lợi mật, bổ gan	HCM-X15-98
3097	BCOMPLEX	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50, 100ml	Trị các bệnh còi cọc, bại liệt, phù thủng do thiếu vitamin nhóm B, kích thích tăng trọng	HCM-X15-99
3098	STRICHNAL B1	Strichnin sulfate, Vitamin B_1	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Kích thích tính thèm ăn và sự vận động. Chống lại chứng suy nhược cơ thể, liệt cơ, bại liệt...	HCM-X15-100
3099	CALBIRON-A	Calci gluconate, B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh thiếu canci và vitamin nhóm B. Kích thích tăng trưởng cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-101
3100	ERYTETRASONE	Erythromycin, Dexa. Oxytetracyclin HCl	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml, 100ml	Trị THT, viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, hội chứng MMA; viêm xoang, E.coli...	HCM-X15-102
3101	LEVAMISOL 7,5%	Levamisol	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50, 100ml	Điều trị các loại giun tròn, giun phổi, giun tóc, giun lươn ở trâu, bò, heo	HCM-X15-103
3102	SEPTOTRYL 12%	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị THT, viêm phổi, viêm xoang, viêm ruột, PTH, viêm đường sinh dục cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-104

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3103	ADE BCOMPLEX	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Bổ sung các vitamin thiết yếu, giảm tỷ lệ tiêu tốn thức ăn. Tăng cường sức đề kháng	HCM-X15-106
3104	Spira-Cotrim	Spiramycin, Bromhexin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm dạ dày ruột trên trâu, bò, lợn, gia cầm	HCM-X15-108
3105	Ery-Cotrim	Erythromycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-109
3106	Tyloseptryl	Spectinmycin, Tylosin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên bò, heo, gà, chó, mèo	HCM-X15-110
3107	CALCI-B12	Calci gluconate, Vitamin B_{12}	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu calci, các chứng bại liệt ở gia súc, gia cầm; nâng cao sức đề kháng	HCM-X15-111
3108	CEVITANAGIN	Vitamin C	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị suy nhược cơ thể, tăng sức đề kháng chống stress do vận chuyển hoặc thay đổi thời tiết	HCM-X15-112
3109	Thuốc mỡ ghẻ	S, $CuSO_4$, $ZnSO_4$	Lọ, chai	2,5,10,20,30,50 g	Diệt cái ghẻ, bệnh ngoài da	HCM-X15-113
3110	CAMPOVIT	Calci gluconate, Amino acid, Vit B_1	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị bại liệt, sốt sữa, suy nhược cơ thể, tăng sức đề kháng	HCM-X15-114
3111	LIMEQUIN 10%	Limequin	Ống Lọ,Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa như: thương hàn, PTH, tiêu chảy phân trắng, kiết lỵ...	HCM-X15-115
3112	AMINO B12	Amino acid, Vitamin B_{12}	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu máu, bồi bổ cơ thể sau khi dùng kháng sinh, trị còi cọc, biếng ăn	HCM-X15-116

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3113	Calci C MIN	Calci gluconate, Amino acid, Vit C	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị bại liệt của thú cái trước và sau khi sinh, sốt sữa, viêm vú	HCM-X15-117
3114	Strichnin sulfate 0,1%	Strichnin sulfate	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Kích thích vận động sau khi sinh, chống suy nhược cơ thể, liệt cơ, bại liệt	HCM-X15-118
3115	Penicillin G potassium	Penicillin G potassium	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh viêm phổi, đóng dấu son, nhiệt thán, viêm tử cung, viêm khớp, viêm vú	HCM-X15-119
3116	Streptomycin sulfate	Streptomycin sulfate	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị toi, viêm phổi, tiêu chảy phân trắng, viêm tử cung	HCM-X15-120
3117	Ampicillin	Ampicillin sodium	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị THT, cúm, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, kiết lỵ, dấu son	HCM-X15-121
3118	Kanamycin sulfate	Kanamycin sulfate	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị bệnh toi gà, viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi mãn tính, thương hàn, tiêu chảy	HCM-X15-122
3119	A D_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai Bình	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Phòng và trị các bệnh còi cọc do thiếu vitamin A, D3, E. Tăng sức đề kháng chống bệnh,...	HCM-X15-123
3120	Enroflox-500	Enrofloxacin base	Chai Bình	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị các bệnh thương hàn, phó thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh	HCM-X15-124
3121	Cầu trùng gà	Sulfaquinoxalin, Amprolium	Chai Bình	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng gà, tiêu chảy phân trắng, phân xanh	HCM-X15-125

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3122	ENRO-1000	Enrofloxacin base	Chai Bình	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị các bệnh thương hàn, phó thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh	HCM-X15-126
3123	CEPHACIN	Cephalecin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X15-127
3124	Cephagenta	Cephalecin, Gentamycin sulfate	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, cúm, viêm mũi vịt, phù đầu vịt...	HCM-X15-128
3125	CEPHAJECT	Cephalecin	Lọ, chai	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X15-134
3126	VIVDEXAJECT	Dexamethasone	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Chống dị ứng, chống stress, chống viêm,...	HCM-X15-136
3127	VITAJECT ADE	Vitamin A, D_3, E	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Bổ sung các vitamin thiết yếu, kích thích thèm ăn	HCM-X15-138
3128	Aquadone-50	Polyvinyl pyrolidone iodine	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít; 2; 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, vi nấm, virus, bào tử và protozoa gây bệnh	HCM-X15-139
3129	Aquadone-100	Polyvinyl pyrolidone iodine	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, vi nấm, virus, bào tử và prôtozoa gây bệnh	HCM-X15-140
3130	Kilimax-100	[mono,bis (trimethylammoniummethilene]-alkyl(C_{9-15})	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi, phòng trị các bệnh do vi khuẩn, nấm, mycoplasma	HCM-X15-141
3131	Kilimax-200	[mono,bis (trimethylammoniummethilene]-alkyl(C_{9-15})	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi, phòng trị các bệnh do vi khuẩn, nấm, mycoplasma	HCM-X15-142

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3132	Titandor-50	Akylbenzyldimethylammonium chloride	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi	HCM-X15-143
3133	Titandor-100	Akylbenzyldimethylammonium chloride	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi	HCM-X15-144
3134	Biocid-300	Sodium dichloroisocyanurate	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít; 2; 5 lít	Sát trùng chuồng nuôi, trang thiết bị chăn nuôi, vận chuyển	HCM-X15-145
3135	Biocid-600	Sodium dichloroisocyanurate	Chai Can	50; 100; 500ml, 1lít; 2; 5 lít	Sát trùng chuồng nuôi, trang thiết bị chăn nuôi, vận chuyển	HCM-X15-146
3136	Multi-Germ	Sodium hypochloride	Túi	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5kg	Sát trùng chuồng nuôi, trang thiết bị chăn nuôi, vận chuyển	HCM-X15-147
3137	Amoxin	Amoxicillin (trihydrat)	Ống, lọ, chai	2; 5ml 10; 20; 50ml; 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra	HCM-X15-148
3138	Tobracin	Tobramycin (sulfate)	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh ghép đường hô hấp do vi khuẩn nhậy cảm với Tobramycin gây ra	HCM-X15-149
3139	Diflox 5%	Difloxacin (HCL)	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị các bệnh viêm phổi, THT trên trâu, bò, chó, mèo	HCM-X15-150
3140	Kháng sinh vịt	Josamycin Oxytetracy (HCL)	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50g; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh: Ho kéo dài, thở khó, hắt hơi, chảy nước mắt, CRD, sưng phù đầu, viêm xoang, THT cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-151
3141	Đặc trị thương hàn	Apramycine sulfate, Ceftiofur (HCL)	Gói Lon	2; 5; 10; 20; 50g; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trâu, bò, heo: Trị viêm đường hô hấp và tiêu hóa. Gà: Bệnh do E.coli và S. gallinarum	HCM-X15-152

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3142	CRD Stop	Josamycin, Trimethoprim	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị viêm phổi, viêm khớp, viêm màng hoạt dịch do Mycoplasma cho gia cầm	HCM-X15-153
3143	Marflox 2%	Marbofloxacin	Ống Chai, lọ	2,5ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp trên heo, trâu, bò	HCM-X15-154
3144	Dano 2,5%	Danofloxacin	Ống Chai, lọ	2,5ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp trên heo, trâu, bò	HCM-X15-155
3145	Oxonic 20	Oxolinic	Gói, Lon	5, 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg. 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng; thương hàn, bệnh do E.coli, viêm đường sinh dục, viêm đường hô hấp mãn do vi khuẩn Gr (-) cho gà	HCM-X15-156
3146	Vivcosone (new)	Florfenicol, Doxycylin, Prednisolon,	Chai/lọ Ống	10; 20; 50; 100ml. 2; 5ml	Heo, trâu, bò: Trị viêm phổi, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm ruột chảy, đóng dấu; Gà: THT; TH, CRD, phân xanh, phân trắng	HCM-X15-157
3147	Úm gà vịt	Spiramycin Colistin	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cho gia cầm, bê, heo con, dê, cừu non, nhiễm trùng máu, viêm ruột trên thú non	HCM-X15-158
3148	Đặc trị toi-E.coli	Colistin Lincomycin	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị hội chứng tiêu chảy trên heo con, thiết lập cân bằng hệ vi sinh vật đường ruột	HCM-X15-159
3149	Enro-C	Enrofloxacin, Vit C, Bromhexin, Paracetamon	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị sưng phù đầu do E.coli viêm xoang mũi, viêm khớp cho gà, vịt, cút. Viêm ruột, tiêu chảy, phù đầu, THT, viêm khớp cho heo	HCM-X15-160

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3150	Đặc trị hô hấp	Gentamicin Doxycycline	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn gr (+) và gr (-)	HCM-X15-161
3151	Toi gia cầm	Erythromycin Colistin	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị CDR, Coryza, Pasteurllosis, Salmonellosis, bệnh tiêu chảy gây ra do trực khuẩn E.coli. trên gà, vịt	HCM-X15-162
3152	Kana CN	Kanamycin Neomycin; Dexa	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, hoại huyết, THT, thương hàn, bệnh do E.coli, viêm tử cung, viêm phúc mạc	HCM-X15-163
3153	Enro Plus	Enrofloxacin Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp do Pasteurella cho trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường niệu cho chó	HCM-X15-164
3154	Gentatylo Forte	Tylosin Gentamycin	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, ruột, tiết niệu, sinh dục; viêm phổi, màng phổi; THT	HCM-X15-165
3155	Coliamcin-D	Ampicillin Colistin	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, THT cho trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, THT, thương hàn cho gia cầm	HCM-X15-166
3156	Vivnorcoli	Norfloxacin Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp do cho trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng niệu cho chó	HCM-X15-167

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3157	Norampi-T	Oxytetracycline Thiamphenicol Dexamethasone	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, THT, CRD, CCRD, viêm xoang mũi, sưng phù đầu, viêm khớp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-168
3158	Tylo-DT	Tylosin Thiamphenicol Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị: viêm phổi, THT cho trâu, bò.- Viêm phổi, THT, hội chứng MMA, kiết lỵ, tiêu chảy, viêm ruột cho heo, chó, dê	HCM-X15-169
3159	Colijject	Colistin	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị phó thương hàn, THT, nhiễm trùng huyết do E.coli, viêm ruột, tiêu chảy ở gia súc non	HCM-X15-170
3160	Complex diarrhea	Colistin, Neomycin Vit A, B1, B2, B6, C	Gói; Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, bệnh bạch lỵ, viêm rốn, phù thủng, phó thương hàn	HCM-X15-171
3161	Flo Tylan	Florfenicol, Tylosin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, viêm móng, viêm khớp trên gia súc, heo, chó, mèo	HCM-X15-171
3162	Tylo-Fos	Fosfomycin sodium, Tylosin, Ketoprofen	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Fosfomycin và Tylosin trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X15-172
3163	Cefti-Keto	Ceftiofur, Ketoprofen	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm da, thối móng, viêm khớp trên heo, trâu, bò	HCM-X15-173

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3164	Genamox	Amoxycillin, Gentamycin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, nhiễm *E.Coli* huyết, sưng phù đầu trên lợn, bệnh phổi, phế quản, màng phổi, tụ huyết trùng, đóng dấu, phó thương hàn, nhiệt thán, nhiễm khuẩn máu. Viêm dạ con, viêm âm đạo, viêm vú, M.M.A, viêm da, vết thương, móng	HCM-X15-174
3165	Colimoxy	Amoxycillin, Colistin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, ỉa chảy, đóng dấu, hội chứng viêm vú, viêm dạ con mất sữa, thương hàn, viêm khớp, hô hấp, viêm đường sinh dục trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X15-175
3166	Vivco-Sal	1-(n-Butylamino)-1methylethyl-phosphonic acid, Vitamin B12	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị rối loạn trao đổi chất, kích thích biến dưỡng, giúp nhanh phục hồi sức khỏe và năng suất	HCM-X15-176
3167	FLORFENICOL 40	Florfenicol	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi, tụ huyết trùng, tiêu chảy, thối móng, viêm vú, viêm kết mạc mắt trên trâu, bò, lợn	HCM-X15-177
3168	ĐẶC TRỊ CẦU TRÙNG	Sulfachloropyrazine sodium, Diaveridin HCl, Vitamin K	Gói, hộp Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, ỉa chảy, thương hàn, viêm ruột hoại tử, bệnh hồng lỵ trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-178
3169	TYLANDOX PLUS	Doxycyline, Tylosin	Gói, hộp Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X15-179

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3170	BROMHEXINE	Bromhexine HCl	Gói, hộp Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản trong các bệnh viêm phế quản, viêm thanh quản truyền nhiễm, viêm phổi, suyễn, CRD trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-180
3171	FLUNADI	Flunixine	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm, đau do rối loạn cơ bắp, xương trên ngựa. Giảm triệu chứng lâm sàng trong nhiễm trùng hô hấp dùng kết hợp với kháng sinh trên trâu, bò, lợn	HCM-X15-181
3172	O T P	Thiamphenicol, Oxytetracyclin HCl	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, tụ huyết trùng, đóng dấu, tiêu chảy, viêm ruột, viêm phổi, nhiễm trùng máu, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm vú, viêm khớp, viêm da, móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu; trị bệnh bạch lỵ, thương hàn, viêm xoang mũi, tiêu chảy trên gà	HCM-X15-182
3173	DOXYCOL	Doxycyclin, Colistin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, gia cầm	HCM-X15-183
3174	FLOR-30	Florfenicol	Gói, hộp Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, thương hàn	HCM-X15-184
3175	Doxycylin-30	Doxycyclin, Bromehxin	Gói, hộp Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HCM-X15-185

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3176	Analgin 30	Analgin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt, giảm sưng phù vết thương	HCM-X15-186
3177	Ana+C	Analgin, Acid Ascorbic	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau	HCM-X15-187
3178	Amicoli Fort	Ampicillin, Colistin	Gói, hộp Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm đa khớp, tụ huyết trùng, thương hàn trên heo	HCM-X15-188
3179	Tilmi Oral 20%	Tilmicosin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X15-189
3180	Enro Oral 20%	Enrofloxacin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	HCM-X15-190
3181	Flor Oral 20%	Florfenicol	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, tiêu chảy, viêm phổi, viêm phế quản, tụ huyết trùng, viêm khớp trên heo, gia cầm	HCM-X15-191
3182	Invet-Amogen	Amoxicillin trihydrat, Gentamycin sulfat	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X15-191
3183	Invet-Amocol	Amoxicillin trihydrat, Colistin sulfat	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày ruột, tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, heo	HCM-X15-192
3184	Invet-Amsep	Ampicillin trihydrat, Sulfamethoxypyridazine	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, đóng dấu, THT, phân trắng; viêm vú, tử cung, phổi, khớp trên lợn, bê, nghé. Trị THT, thương hàn, viêm xoang mũi trên gia cầm	HCM-X15-193

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3185	Invet-Tycosone	Tylosin tartrate, Colistin sulfat	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục	HCM-X15-194
3186	Invet-Tylo 20 La	Tylosin tartrate	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, CRD gia cầm, viêm mũi, suyễn heo, khẹc vịt	HCM-X15-195
3187	Invet-Tetra 200 L-A	Oxytetracyclin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị THT, lepto, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp gia súc, gia cầm	HCM-X15-196
3188	Invet-Cefalexin	Cefalexin monohydrate	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sưng phù đầu cho gà, vịt, phù thũng heo con, THT, viêm phổi	HCM-X15-197
3189	Invet-Florsone 200 La	Florfenicol	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, thương hàn, viêm ruột, ỉa chảy, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HCM-X15-198
3190	Tiamulin 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, hồng lỵ trên heo do Treponema	HCM-X15-199
3191	Invet-Flordoxy	Florfenicol, Doxycyclin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X15-200
3192	Invet-Gentamycin La	Gentamycin sulfate	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn nhạy cảm Gentamycin trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-201
3193	Invet-Tilmi Inj	Tilmicosin phosphate	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, bệnh thối móng trên trâu, bò, cừu	HCM-X15-202
3194	Invet-Enromic	Enrofloxacin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị CRD ghép với E.coli, sưng phù đầu do E.coli hoặc Mycoplasma, viêm ruột tiêu chảy, viêm rốn	HCM-X15-203

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3195	Invet-Sulfadiazin 48	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy phân trắng, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm xoang mũi	HCM-X15-204
3196	Invet-Coc 5%	Toltrazuril	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con theo mẹ, bê, nghé	HCM-X15-205
3197	Invet-Coc 2,5%	Toltrazuril	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng gia cầm	HCM-X15-206
3198	Invet-Diclacoc	Diclazuril	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng gây bởi các chủng Eimeria trên cừu con, bê, nghé	HCM-X15-207
3199	Nước Pha 3B	Vitamin B1, Vitamin B6, Vitamin B2	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh còi cọc do thiếu vitamin, tăng cường sức đề kháng	HCM-X15-208

25. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y GẤU VÀNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3200	Amino-C	Tryptophan, Lysine, Methionine, Vit. C	Gói Lon	5g; 100g 100g	Cân bằng amino acid, chống Stress, tăng sức đề kháng	HCM-X17-01
3201	Ampi-Coli 125	Ampicillin, Colistin	Gói, lon	5g; 100g,100g	Phòng, trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X17-02
3202	Tiêu Chảy Heo	Hydroxyquinoline Tetracycline, Vitamin A	Gói	5, 30, 100g; 1, 5, 10, 25kg	Trị tiêu chảy ở heo con, bệnh thương hàn, bệnh tiêu chảy có máu, tiêu chảy do đơn bào	HCM-X17-03
3203	Basabon-Plus	Active chacoal, Colistin, Arsenite, Bicarbonate, Magnesium, Calcium	Gói	100g	Sát trùng đường ruột, sình bụng, trướng hơi, ngộ độc do thức ăn hay môi trường nước bẩn	HCM-X17-05

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3204	Caribou-LX	Netromycin, Carbasone, Colistin	Gói	100g	Phòng trị bệnh tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy do E.coli, CRD, CCRD	HCM-X17-06
3205	Điện giải và khoáng	NaCl, KCl, NaHCO3, Citric acid, MgSO4, FeSO4, ZnSO4, CaCl2, Na2S2O5, CuSO4	Gói	100g, 1kg	Phục hồi dịch thể sau khi bị tiêu chảy, mất nước. Cân bằng acid base. Chống Stress	HCM-X17-07
3206	Doxenco-Vit	Enrofloxacin, Vitamin PP, K3	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X17-08
3207	Doxytin-C	Tiamulin, Doxycyclin, Vit. C, Sodium salicylate	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	HCM-X17-09
3208	Floxamco plus	Enrofloxacin, Bromhexine, Vit C, K3	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên heo, bê, dê, cừu, gà, vịt, cút	HCM-X17-10
3209	Floxamco	Enrofloxacin, Vitamin PP, K3	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên bê, heo, gà, vịt, cút	HCM-X17-11
3210	Flutatin	Flumequin	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo con, gà, vịt, cút	HCM-X17-12
3211	Gava Trứng	Chlortetracycline, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin B1	Gói Lon	100g, 1kg 100g, 1kg	Tăng chất lượng và sản lượng trứng, tăng tỷ lệ trứng nở. Tăng sức đề kháng. Chống Stress do thời tiết,	HCM-X17-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		HCl, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6 HCl, Vitamin B12, Vitamin C, Vitamin K3, Folic acid, Chlorin tartrate, Tryptophan, Methionine, Lysine			vận chuyển, tiêm phòng	
3212	Genta-Sept	Gentamicin, sulphadimidine, Vitamin PP	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị tiêu chảy do nhiễm khuẩn trên bê, nghé, heo con, gà, vịt, cút	HCM-X17-15
3213	Gicavit	Vit. A, D3, E, K3, C, nhóm B, Amino acid	Gói Lon	100g, 1kg 100g	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin và amino acid. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn	HCM-X17-16
3214	Gava Lactogen	FeSO4, MgSO4, MnSO4, ZnSO4, CuSO4, Vitamin B5, Folic acid, KI	Gói	500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh thiếu khoáng cho gà, vịt, cút: bại liệt, rụng lông, còi xương	HCM-X17-18
3215	Khoáng gia súc	CaCO3, Na2SeO3, IK, CoSO4, ZnSO4, MnSO4, CuSO4, FeSO4, DCP, Choline Chloride, Biotin, Folic acid	Gói	500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu khoáng cho gia súc: heo, trâu, bò, dê, cừu	HCM-X17-19
3216	Spectilin 615	Lincomycin, Spectinomycin	Gói Xô	250g 10kg	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp; viêm khớp, bệnh ngoài da, hội chứng MMA	HCM-X17-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3217	Gavacoli	Lincomycin, Vit B1, C	Gói	250g	Phòng tiêu chảy cho heo con do E.coli, gây biến chứng phù thũng, các vi trùng khác	HCM-X17-21
3218	My-Coli 1500	Spiramycin, Trimethoprim, Vitamin C	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp hóa trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X17-22
3219	Tetra C	Tetracycline, Vit. C	Gói	5g; 100g	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng do VK Gram (-), Gram (+). Kích thích tăng trọng	HCM-X17-26
3220	Thông khí quản	Bromhexine, Tartaric acid	Gói	5g; 100g	Kết hợp với kháng sinh để tăng cường hiệu quả trị các bệnh đường hô hấp	HCM-X17-27
3221	Toi gia cầm	Enrofloxacin, Vitamin C, Sodium salicylate	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm da, viêm khớp trên gà, vịt, cút	HCM-X17-30
3222	Vitamin ADE + CK	Vit. A, D3, E, C, K3	Gói Lon	50g 100g	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin A, D, E. Tăng cường sức đề kháng. Chống sẩy thai	HCM-X17-31
3223	6 - B	Vit. nhóm B, Vit. PP, Methionine	Lọ Ống	20, 100 5ml	Tăng sức đề kháng, giúp phục hồi sức khỏe sau khi điều trị bằng kháng sinh hoặc Sufonamid	HCM-X17-32
3224	Amox - Genta	Amoxicillin, Gentamicin	Lọ	50ml	Trị viêm phổi, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm móng ở gia súc, gia cầm	HCM-X17-33
3225	SUPER VITA	Tryptophan, L-Phenylalanine, L-Isoleucine,	Lọ, ống	20ml, 2ml	Chống suy nhược, nôn mửa, mất nước	HCM-X17-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		L-Leucine, L-Lysine, L-Methinonine, L-Threonine, L-Valine, L-Arginine, L-Histidine, L-Ornithine, L-Aspartic, L-Glycine, L-Alanine, L-Proline, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin C				
3226	Ampi - Coli	Ampicillin, Colistin	Lọ	50ml 100ml	Trị các bệnh tiêu chảy phân trắng do E.coli, thương hàn, nhiễm trùng máu, tụ huyết trùng, viêm phổi. Viêm nhiễm đường sinh dục	HCM-X17-35
3227	Analgin 25%	Metamizol, Na metabisulfite	Lọ, ống	100ml, 5ml	Hạ nhiệt, giảm đau cho heo, dê, cừu, trâu, bò	HCM-X17-36
3228	Atropin 50	Atropin	Lọ	50ml	Chống co thắt ruột, tử cung, dãn khí quản. Chống tiết dịch vị, dịch đường hô hấp	HCM-X17-37
3229	Calcium C.D	Calcium gluconate, Caffeine, Dexamethasone	Lọ Ống	100ml 5ml	Phòng chống thiếu calci, bại liệt, co cơ Tetanus, sốt sữa ở heo, bò, còi cọc, chậm lớn	HCM-X17-38
3230	Colim - D	Trimethoprim, Colistin, Dexamethasone	Lọ	50ml	Diệt khuẩn Gram -, Gram +, tiêu chảy do E.coli, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm ruột	HCM-X17-39
3231	Tylo-DT	Tylosin, Thiamphenicol, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục, tiêu hóa và lở loét ngoài da trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X17-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3232	D. E. C 100	Erythromycin, Thiamphenicol, Dexamethasone	Lọ	50ml	Trị viêm phổi, viêm thanh khí quản, viêm móng, tiêu chảy, viêm vú, nhiễm trùng sinh dục, đóng dấu, THT, CRD, tiêu chảy	HCM-X17-41
3233	Dexagen 10	Dexamethasone	Lọ; Ống	20ml; 5ml	Trị các bệnh viêm nhiễm và dị ứng. Viêm khớp, bệnh ngoài da	HCM-X17-42
3234	Dimeflox 120	5.7 - Diiodo - 8 - Hydroxyquinoline, Norfloxacin	Lọ Ống	100ml 2ml	Trị viêm ruột tiêu chảy do E.coli, do Salmonella spp. và Clostridium spp. Viêm ruột xuất huyết (Hồng lỵ) do Treponema	HCM-X17-44
3235	Doxenro-D 100	Enrofloxacin, Dexamethasone, Bromhexine	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng da, mô, sinh dục trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X17-45
3236	Enrocin- S	Enrofloxacin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4l.	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm móng, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X17-46
3237	Enroflox 250	Enrofloxacin	Lọ	10, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do Gram -, Gram +, kể cả Mycoplasma cho gia súc, gia cầm	HCM-X17-47
3238	Supercine 500	Enrofloxacin	Lọ	10ml, 50ml, 100ml, 500ml, 1l	Trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy do E.coli, thương hàn, THT, viêm phổi... CRD, CCRD	HCM-X17-48
3239	Spira-D	Spiramycin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gà vịt	HCM-X17-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3240	Fer 100	Iron, Carbolic acid	Lọ	50, 100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu của heo con, dê, cừu	HCM-X17-50
3241	Fugenta 100	Flumequin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4l	Trị viêm ruột trên trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X17-51
3242	Genta plus	Sulphadimidine	Lọ	20; 50; 100ml	Trị các bệnh thối móng, biến chứng viêm phổi, tiêu chảy, cầu trùng gà	HCM-X17-52
3243	Gavenro 500	Gentamycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, viêm phổi, viêm khớp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, dê, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X17-53
3244	Genta-Tylo D	Gentamicin, Tylosin, Dexamethasone	Ống	50ml	Điều trị CRD, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy do E.coli, Salmonella spp	HCM-X17-54
3245	Kích sữa	Vitamin A, Vitamin B1 HCl, Vitamin B6 HCl, Lysine HCl, Arginine HCl, IK	Lọ	10ml	Tăng sản lượng sữa trong thời kỳ cho con bú. Hỗ trợ với kháng sinh để trị hội chứng MMA	HCM-X17-56
3246	Levasole 100	Levamisole	Lọ	100ml	Bệnh giun đũa, giun bao tử, giun kim, giun kết hạt, giun phổi và các loại giun tròn khác	HCM-X17-57
3247	Mutinco 55	Tiamulin, Colistin, Bromhexine	Lọ	10, 50ml	Trị các chứng viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy có máu, tụ huyết trùng, CRD, CCRD cho heo, trâu, bò, dê, cừu	HCM-X17-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3248	Norflox 500	Norfloxacin, Bromhexine	Lọ	10, 100ml	Trị nhiễm trùng do Gr (-), Gr (+) kể cả Mycoplasma ở gia súc, gia cầm	HCM-X17-60
3249	O. C. D	Oxytetracycline, Thiamphenicol, Dexa	Lọ	20, 100ml	Trị các chứng nhiễm trùng cục bộ hoặc toàn thân do nhiễm trùng Gram - và Gram +	HCM-X17-63
3250	Septicemie	Urotropine, Glucose	Lọ	100ml	Sát trùng tiết niệu, đường ruột, đường mật và giải nhiệt cho gia súc	HCM-X17-66
3251	Septotrin 24%	Sulfamethoxypyri-dazine, Trimethoprim	Lọ	100ml	Trị các chứng nhiễm trùng của gia súc: đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu. Nhiễm trùng máu	HCM-X17-67
3252	Strychnine B_1	Strychnine, Vit. B_1	Lọ	50ml	Trị các chứng biếng ăn, suy nhược cơ thể, kích thích hệ thần kinh não tủy	HCM-X17-68
3253	Vitamin ADE + B.Complex C	Vit A, D_3, E Nhóm B, C	Lọ	20ml 100ml	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin, A, D, E và nhóm B	HCM-X17-70
3254	Vitamin B1 10%	Vit. B_1	Lọ	10, 100ml	Bệnh thiếu vitamin B_1, biếng ăn, tiêu hóa kém, viêm da ở heo, chó, mèo, ngựa, gia cầm	HCM-X17-71
3255	Super B_{12} 500	Vitamin B_{12}	Lọ	1, 2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Tăng sức sinh trưởng của động vật. Phục hồi sự mất máu, còi cọc, chậm lớn, cơ thể suy nhược	HCM-X17-72
3256	Vitamin C 1000	Ascorbic acid	Lọ, ống	20, 100ml, 5ml	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin C, Scorbut	HCM-X17-73
3257	Vitamin E 50	Vit E acetae	Ống Lọ	10ml 50ml	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin E. Trị chứng nhũn não, loạn dưỡng cơ	HCM-X17-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3258	Ampi-K	Ampicillin	Lọ	1g	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, THT, viêm phổi cho gia súc, gia cầm	HCM-X17-75
3259	Doxenro-CD	Doxycyclin, Dexathasone, Bromhexin	Chai	10; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X17-76
3260	Doxenro-CD	Doxycyclin, Dexathasone, Bromhexin	Chai	10; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X17-76
3261	Kanapen	Kanamycin	Lọ	1,5g	Trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng...	HCM-X17-81
3262	Penicillin	Penicillin	Lọ	1MIU	Trị viêm phổi, THT, nhiệt thán, đóng dấu...	HCM-X17-83
3263	Penicillin	Penicillin 4.000.000IU	Lọ	4MIU	Trị viêm phổi, THT, nhiệt thán, đóng dấu...	HCM-X17-84
3264	Streptomycin	Streptomycin	Lọ	1g	Trị tụ huyết trùng, viêm đường hô hấp, viêm nhiễm do vi trùng Gram (-)	HCM-X17-85
3265	Goldevit Plus	Vit. A, D_3, nhóm B, C, K3, Vit. PP, Folic acid	Lon	100g	Phòng ngừa bệnh thiếu vitamin ở gia súc, gia cầm. Tăng sản lượng trứng, chống Stress	HCM-X17-87
3266	B. Complex C	Vit. nhóm B, Folic acid	Gói Lon	10, 50g, 1kg 100g	Phòng và trị các bệnh thiếu Vitamin nhóm B, C, Biotin, acid folic, phòng bệnh Gumboro, CRD	HCM-X17-88

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3267	Levasole 300	Levamisole	Gói	3g	Bệnh giun đũa, giun bao tử, giun kim, giun kết hạt, giun phổi và các loại giun tròn	HCM-X17-90
3268	Linconet 120	Lincomycin, Netromycin	Lọ	5ml; 50ml	Trị các chứng nhiễm khuẩn Gram -, Gram +, Mycoplasma cho các loài gia súc, gia cầm	HCM-X17-92
3269	Tomsumix	Vitamin A, Vitamin E, Vitamin D3, CaCO3, DCP, ZnSO4, MnSO4	Gói Lon	100g 1kg	Giảm hao hụt đầu con. Tăng trọng nhanh. Tăng sức đề kháng chống lại bệnh nhiễm trùng	HCM-X17-93
3270	Aminozyme	Methionine HCl, Lysine HCl, CaCO3, DCP, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin B1 HCl, Vitamin B2, Vitamin B5, Vitamin B6 HCl, Vitamin B3, CoSO4, CuSO4, FeSO4, MgSO4, ZnSO4, MnSO4	Gói	500g, 1kg	Cung cấp amino acid, khoáng hữu cơ và các enzyme cần thiết, tăng đề kháng, chống Stress	HCM-X17-94
3271	Super Bac	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin B1, Vitamin B12, Vitamin B6, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisia	Gói	1kg	Phòng và chống bệnh thiếu protein, vitamin và khoáng. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Tăng sức đề kháng, chống Stress	HCM-X17-95

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3272	Gavalactic	Valine, Tryptophan, Threonin, Proline, Phenylalanine, Leucine, Isoleucine, Histidine, Alanine, Aspartic acid, Arginine, Lysine, Methionine, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, MnSO4, CaCO3, DCP, CoSO4, CuSO4, FeSO4, ZnSO4, KI	Gói	1kg	Cung cấp đầy đủ amino acid, vitamin và các loại khoáng hữu cơ vi - đa lượng	HCM-X17-97
3273	Gava 7 way	Amylase, Lactobacillus, Streptococcus faecalis	Gói	20g, 1kg	Phòng, trị chứng tiêu chảy heo con theo mẹ và heo con cai sữa. Phục hồi hệ vi sinh đường ruột	HCM-X17-98
3274	Bacizyme	α-amylase, Glucoamylase, Pectinase, Protease, MnSO4, CoSO4, CuSO4, FeSO4, ZnSO4, IK	Gói	50g, 1kg	Chống chướng hơi, sinh bụng, tiêu chảy	HCM-X17-100
3275	Gava Chick	Methionine HCl, Lysine HCl, CaCO3, DCP, NaCl, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin B1 HCl, Vitamin B2, Vitamin B3,	Gói	1kg	Cung cấp và cân bằng các amino acid, khoáng, hữu cơ vi - đa lượng và các enzyme cho gà con	HCM-X17-103

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		Vitamin B5, Vitamin B6 HCl, Enzyme protease, Enzyme amylase, B. subtillis, B. megaterium, S. cerivisiae				
3276	Biotin Complex	Biotin, Vitamin A, FeSO4, CuSO4, ZnSO4	Gói	100g	Phòng chống bệnh viêm da, da hóa sừng, viêm móng, nứt móng ở heo	HCM-X17-105
3277	Superstock-P	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K3, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B12, Biotin, Folic acid, Niacin, Cholin, Lysin, FeSO4, CuSO4, MnSO4, ZnSO4, IK, CoSO4, Na2SeO3, L. acidophilus, S. faecium, S. cerevisiae	Gói	1kg	Ngừa tiêu chảy do vi khuẩn Gr (-). Giúp heo nái cho nhiều sữa, giảm tiêu tốn thức ăn	HCM-X17-106
3278	Gavacin D 10%	Enrofloxacin, Dexamethasone	Lọ	100ml	Trị CRD, thương hàn, THT, viêm teo xương mũi truyền nhiễm, viêm phổi, tiêu chảy...	HCM-X17-109
3279	Gavacoc'S	Sulfaquinoxaline, Pyrimethamine	Lọ	100ml	Trị cầu trùng do Eimeria tenella, E.acervulina, E.necatrix, E.maxima	HCM-X17-110

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3280	Gavasal	Carnitine, Amino acid, B.Complex	Ống Lọ	2ml 20ml	Tăng cường sức đề kháng, chống suy nhược, tiêu chảy gây mất nước	HCM-X17-111
3281	Netrovit B_{12}	Netromycin, Vit B_{12}	Lon	500g	Chống suy dinh dưỡng, thiếu máu, tiêu chảy do E.coli, thương hàn	HCM-X17-112
3282	O.R.S	Glucose, Sodium chloride, Trisodium citrate, Potassium chlorid	Gói	30g	Phục hồi chất điện giải khi thú bị Stress. Thay thế dịch thể đã mất khi thú bị tiêu chảy, mất nước	HCM-X17-113
3283	Superstok-C	Vitamin A, Vitamin B1 HCl, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6 HCl, Vitamin B12, CuSO4, MnSO4, ZnSO4, Lysine HCl, Methionine HCl	Gói	1kg	Dùng úm gà con 1 - 3 ngày tuổi, chống lại yếu tố bất lợi do E.coil, Salmonella, cầu trùng	HCM-X17-114
3284	Electrolytes	Citricacid, Sodiumcloride, Potassium cloride, Sodium bicarbonate	Gói	100g	Cân bằng các chất điện giải cho gia súc, gia cầm. Phòng và trị mất nước do tiêu chảy, chống Stress	HCM-X17-115
3285	Gavamix 1 New	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K3, Vitamin B1 HCl, Vitamin B2, Vitamin B6 HCl, Vitamin B12, Vitamin H, FeSO4, ZnSO4, MnSO4, CuSO4, CoSO4	Gói	200g, 1kg	Phòng bệnh do thiếu dưỡng chất: da sần, rụng lông, nứt móng. Giúp heo con mau lớn, khỏe	HCM-X17-117

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3286	Gavamix 3 New	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K3, Vitamin B1 HCl, Vitamin B2, Vitamin B6 HCl, Vitamin B12, Vitamin H, Na2SeO3, FeSO4, ZnSO4, MnSO4, CuSO4, CoSO4	Gói	200g, 1kg	Giúp heo thịt tăng trọng nhanh, phòng các bệnh rụng lông, nứt móng	HCM-X17-119
3287	Gava 100	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin B1 HCl, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, FeSO4, CuSO4, ZnSO4, MnSO4, Bacillus subtillis, Sacharomyces cerevisiae, Protesea, Amylase	Gói	2kg	Giúp heo con tập ăn và heo con cai sữa tăng trọng nhanh. Phòng ngừa tiêu chảy, viêm phổi	HCM-X17-123
3288	Ciprozyme 257	Cephalexin, Colistin, Vitamin C, K3, Amylase, Protease	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên heo, bê, dê, cừu, gà, vịt, cút	HCM-X17-126
3289	Gavalactyl	Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus bulgaricus, Streptococcus lactis	Gói Gói	3g 50g	Phòng và trị các chứng viêm ruột, tiêu chảy do E.coli, rối loạn hệ vi sinh đường ruột	HCM-X17-128
3290	Multivitamin	Vit A, D_3, E, K_3, Vitamin nhóm B	Gói	100g	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, chống Stress	HCM-X17-129

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3291	E.D.C-Mycin	Enrofloxacin, Iodo-hydroxyquinoline Vitamin A, D_3, nhóm B	Lon	100g	Phòng và trị THT, thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy do E. coli, viêm xoang mũi, CRD, CCRD, liệt chân vịt do nhiễm trùng máu	HCM-X17-130
3292	Lucazyme 500	Iodo-hydroxyquinoline, Sulfamethoxazole, Trime	Lon	500g, 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr (-), Gr (+), nấm, Protozoa	HCM-X17-132
3293	Net-Tesol-CR	Neomycin, Oxytetracyclin, Sodium metabisulfite	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị THT, thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, viêm xoang mũi, nhiễm trùng máu trên heo, gà, vịt	HCM-X17-133
3294	Cephazyme	Cephalexin, Vitamin C, Amylase, Protease, Lipase	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X17-134
3295	Oxolin 20	Oxolinic acid	Gói, lon	100g	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-), Gr (+)	HCM-X17-135
3296	Gavalact	Lactobacillus, B. subtilis, Sac.cerevisiae Vit B_1, B_6, C	Lon	500g	Tăng cường sức đề kháng chống lại bệnh nhiễm trùng. Tăng tỷ lệ tiêu hóa thức ăn. Ngăn ngừa sự phát triển vi khuẩn có hại trong đường ruột	HCM-X17-136
3297	Gavatin	Strep. faecalis, Bacillus mesentericus, Beer yeast, Vit C	Lon	500g	Tăng khả năng tiêu hóa, phòng ngừa sự phát triển các vi khuẩn có hại trong đường ruột	HCM-X17-137
3298	Men B. S	Bacillus subtilis	Gói	100g, 1kg	Tăng cường và ổn định hệ vi sinh đường ruột. Tăng tỷ lệ tiêu hóa, tăng trọng nhanh	HCM-X17-138

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3299	Enrozyme 198	Enrofloxacin, Men sinh học, Vit C	Lon	1kg	Phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng. Kích thích tăng trưởng, cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn	HCM-X17-139
3300	Vitamin C	Vitamin C	Gói, lon	100g, 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng, chống Stress	HCM-X17-140
3301	Proxin-D	Enrofloxacin, Dexamethasone acetat	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, thương hàn, viêm ruột, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X17-141
3302	AC 300	Apramycine, Ceftiofur hydrochloride	Gói	30g	Trị tiêu chảy cho heo, gà, vịt do E.coli, Salmonella spp., tụ huyết trùng	HCM-X17-144
3303	AC 600	Apramycine, Ceftiofur-hydrochloride	Gói	500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy cho heo, gà, vịt do E.coli, Salmonella spp., tụ huyết trùng	HCM-X17-145
3304	Gacamo	Vitamin A, Vitamin D, Vitamin E, Vitamin K, Vitamin B2, Vitamin B6 HCl, Vitamin B12, MnSO4, CaCO3, DCP, CoSO4, FeSO4, ZnSO4, KI	Gói	100g	Phòng và trị bệnh Cannibalism do thiếu khoáng, vitamin, acid amin, trẹo chân gà bệnh còi xương, rụng lông	HCM-X17-146
3305	Anti-Gum	Vitamin C, Vitamin B1 HCl, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6 HCl, Vitamin B12, Biotin, Folic acid, NaCl, KCl	Gói	100g	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin nhóm B, C, Biotin và Folic acid: Bệnh ngoài da, thiếu máu, suy nhược cơ thể	HCM-X17-147

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3306	Coli 2000	Flumequin, Salicylate, Bromhexin, Inositol, Vitamin K3, A, D3, E, B1, B2, B3, B5, B6	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn, viêm phổi trên trâu, bò, heo, gà, vịt, cút	HCM-X17-148
3307	Gava 300	Methionine HCl, Lysine HCl, CaCO3, DCP, NaCl, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin B1 HCl, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, FeSO4, CuSO4, ZnSO4, MnSO4, protease, amylase, Bacillus subtilis, Bacillus megaterium, Saccharomyces cerevisiae	Gói Gói	2kg	Cung cấp đầy đủ các Amino acid, các dòng men vi sinh hữu ích, chống hội chứng sốt sữa, viêm vú, viêm tử cung, bại liệt, hư móng... các Vitamin và các loại Khoáng hữu cơ vi - đa lượng	HCM-X17-149
3308	Anti C.R.D 2000	Enrofloxacin, Vitamin C, Bromhexin	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị viêm phổi, tiêu chảy, thương hàn, trên bê, nghé, heo con, gà, vịt	HCM-X17-153
3309	Sát Trùng-GB	Glutaraldehyd, Benzalkonium chloride	Lọ Can	100ml 1 lít, 4 lít	Thuốc diệt các loại vi trùng, bào tử vi trùng, Mycoplasma spp.,... nấm mốc và ký sinh trùng gây bệnh cho gia súc, gia cầm	HCM-X17-154
3310	Amox 15% LA	Amoxicillin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxicillin ở trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X17-156

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3311	Danocin	Danofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp do Pasteurella, E.coli gây ra ở trâu, bò; bệnh do Pasteurella, Actinobacillus ở lợn	HCM-X17-157
3312	Gamarcin	Marbofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm đường hô hấp do *Pasteurella* spp., *Mycoplasma* spp gây ra ở trâu, bò; Hội chứng viêm vú	HCM-X17-158
3313	Gavabio	Ampicillin, Colistin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 5; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm dạ dày, ruột, đường hô hấp do vi khuẩn nhậy cảm với Ampicillin và Colistin	HCM-X17-159
3314	Gavafer	Ammonium ferrous citrate, Vitamin B1, B12, PP, Cobalt, Cu	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở heo con, dê và cừu; bổ sung vitamin, khoáng, tăng cường sức đề kháng cho vật nuôi	HCM-X17-160
3315	Gavaflor	Florphenicol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Florphenicol	HCM-X17-161
3316	Pen-Strep 20/20	Procain benzyl penicillin, Dihydro streptomycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm nhiễm gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin và Streptomycin ở trâu, bò, dê, cừu và lợn	HCM-X17-162
3317	ECOF 400	Cipermethrin	Chai, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1L; 4L	Diệt bọ chét, ve, rận, mạt, ruồi, gián, kiến. Sát trùng vết thương, chuồng trại	HCM-X17-163
3318	Saracin	Sarafloxacin	Ống, chai	2; 5; 0; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gà, vịt	HCM-X17-164

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3319	Wincoc'405	Toltrazuril	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng, trị bệnh cầu trùng trên heo con	HCM-X17-165
3320	Gava Dano 808	Danofloxacin	Ống Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp do Pasteurella, E.coli trên trâu, bò, lợn: viêm mũi, phổi, khí quản, viêm teo mũi truyền nhiễm, CRD	HCM-X17-166
3321	Viêm phổi 820	Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4L	Trị viêm phổi, màng phổi, viêm tử cung trên bò, dê, cừu; Trị viêm phổi địa phương, ho, viêm tử cung trên lợn	HCM-X17-167
3322	NEO40	Neomycin, Oxytetracycline	Hộp, bao, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Oxytetracycline	HCM-X17-168
3323	Viêm ruột 130	Gentamycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4L	Trị nhiễm khuẩn đường ruột do E.coli, Salmonella; bệnh THT cho lợn; bệnh viêm phổi cho trâu, bò, dê, cừu	HCM-X17-169
3324	Cipro 50A	Enrofloxacin	Ống Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi lợn, CRD, nhiễm trùng đường tiêu hóa do E.coli, thương hàn cho lợn, gà, vịt, chim cút	HCM-X17-170
3325	Oxacin's 999	Danofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột trên trâu, bò, heo	HCM-X17-171
3326	Vitamin AD3E	Vitamin A, D, E	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị do thiếu Vitamin A, D, E trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	HCM-X17-172
3327	Gava Cefti 500	Ceftiofur	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X17-173

26. CÔNG TY TNHH TM-SX DƯỢC SONG VÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3328	Tylanvit-C	Tylosin tartarat, Sulfadimidine Natri, Vitmin A, Vitamin C	Gói, lọ	10, 50, 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trrùng do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin và sulfadimidin trên heo	HCM-X18-01
3329	Amcoli-fort	Ampicillin, Colistin	Gói Lọ, chai	10, 50, 100, 500, 1000g 10, 50, 100, 500, 1000g	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	HCM-X18-02
3330	Sovatril SV	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó	HCM-X18-03
3331	Enrova SV	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó	HCM-X18-04
3332	Kim Kê Trứng	Tiamutin HF, Vitamin A, B, D, E, khoáng	Gói Lọ, chai	50, 100, 500g, 1kg 50, 100g, 500g, 1kg	Tiêu chảy, thương hàn, CRD, bại liệt	HCM-X18-05
3333	Oxyteta 10%	Oxytetracyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê, gia cầm, thỏ	HCM-X18-06
3334	Sovalox	Chlotetracyclin, Nystatine	Viên	13,5g	Phòng và trị nhiễm trùng do sót nhau, viêm dạ con trên ngựa, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X18-07
3335	B.Complex ADE	Vitamin A, B, D, E, khoáng vi lượng	Gói Lọ, chai	100, 500, 1000g 100, 500, 1000g	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin, tăng cường sức đề kháng	HCM-X18-09
3336	Fe-Dextran B12	Fe-Dextran Vitamin B12	Ống Lọ	5ml 5, 50, 100ml	Thuốc tăng cường trao đổi chất, bổ sung sắt, điều trị thiếu máu	HCM-X18-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3337	Gentamycin sulfat	Gentamycin sulfat	Ống Lọ	2; 5ml 5, 50, 100ml	Điều trị viêm vú, viêm tử cung, viêm tai, viêm phổi, tiêu chảy	HCM-X18-11
3338	Tiamulin 10%	Tiamulin HF	Ống, lọ	5, 50, 100ml	Trị CRD, viêm khớp, viêm vú, tiêu chảy	HCM-X18-12
3339	Tia-prim	Tiamulin HF Trimethoprim	Ống Lọ	5ml 50, 100ml	Điều trị suyễn, cúm, tiêu chảy, CRD, viêm khớp, THT	HCM-X18-13
3340	Vitamin C 10%	Vitamin C	Ống, lọ	5ml, 50, 100ml	Trị thiếu Vit C, tăng cường sức đề kháng	HCM-X18-14
3341	Amoxypen	Amoxycillin	Gói Lọ, chai	10, 20, 50, 100g, 500g, 1kg	Điều trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm vú, sốt cao, CRD	HCM-X18-15
3342	Bactrim-For-vet	Trimethoprim Sulfamethoxazol	Gói Lọ, chai	10, 20, 50, 100g, 500g, 1kg	Điều trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng tiêu hóa, CRD	HCM-X18-16
3343	Vigamycin	Tiamulin HF, Tetracyclin	Gói Lọ, chai	10,20,50,100g, 500g, 1kg	Điều trị CRD, CCRD, nhiễm trùng hô hấp, tụ huyết trùng	HCM-X18-17
3344	Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói Lọ, chai	5, 50, 100, 500g, 1kg; 5kg; 10kg	Điều trị bệnh thiếu vitamin C, tăng cường sức đề kháng	HCM-X18-18
3345	Piperazin	Piperazin citrat	Gói Lọ, chai	5, 10, 50, 100, 500g, 1kg	Tẩy trừ giun đũa, giun kim, giun móc	HCM-X18-19
3346	Carboquin	Carboligni, Flumequin Muối carbonat	Gói Lọ, chai	5, 10, 50, 100, 500g, 1kg	Thuốc chống tiêu chảy, trướng bụng, đầy hơi, ăn không tiêu	HCM-X18-20
3347	Entra levure	Men tiêu hóa B.Subtilis	Gói Lọ, chai	10, 50, 100g 10, 50, 1000, 1,5kg	Chống rối loạn tiêu hóa, cân bằng hệ thống men tiêu hóa	HCM-X18-21
3348	Super-Milk	Muối Natri, Kali, canxi PO_4, CO_3, khoáng	Gói Lọ, chai	100, 250, 500g 100, 250, 500g	Tăng cường sản lượng sữa, phòng một số bệnh như sốt sữa, bại liệt	HCM-X18-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3349	Toi gà vịt	Erythromycin	Gói Lọ, chai	10, 50, 100, 500g 10,50, 100, 500g	Điều trị nhiễm khuẩn hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu, sinh dục	HCM-X18-23
3350	Tiamulin coated premix 10%	Tiamulin coated	Gói Lọ, chai	20, 50, 100, 500g, 1kg	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa	HCM-X18-24
3351	Eucamphor	Eucaliptol, Camphor	Ống Lọ, chai	5, 10ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Thuốc kích thích hô hấp, vận mạch, giảm ho, long đờm	HCM-X18-26
3352	Linpectino	Lincomycin, Spectinomycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên bê, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	HCM-X18-27
3353	Flonicol-SV	Florfenicol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X18-29
3354	Neocidog	Diazinon	Chai	100, 250, 500ml	Diệt côn trùng, bọ, ve, chấy, rận	HCM-X18-30
3355	Para-C-Vit	Paracetamol, Vitamin C	Gói Lọ, chai	5, 10, 50, 100, 500g, 1kg	Giảm đau, hạ nhiệt	HCM-X18-31
3356	Tetralidon	Tetracyclin, Sulfamethoxazol	Gói Lọ, chai	5, 10, 50, 100, 500g, 1kg	Điều trị các bệnh do cầu trùng gây ra	HCM-X18-33
3357	SV-Strep-berin	Streptomycin, Berberin	Gói Lọ, chai	10, 50, 100, 500g, 1kg	Điều trị tiêu chảy, tiêu chảy kéo dài	HCM-X18-34
3358	Oresol^{SV}	Natri clorua, Kali clorua, Natri citrat, Glucoza	Gói Lọ, chai	10, 50, 100g 10, 50, 100g	Bổ sung năng lượng, muối khoáng, điện giải	HCM-X18-35
3359	SV-Veraga	Vitamin nhóm B, Vitamin PP, A. amin, khoáng, Aspirin,	Gói Lọ, chai	10, 50, 100, 500g, 1kg	Điều chỉnh các rối loạn thần kinh, chống cắn mổ, cạp phá chuồng	HCM-X18-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3360	SV-Colimycin	Colistin	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, THT	HCM-X18-42
3361	Cefotaxim	Cefotaxim	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, suyễn, sổ mũi, THT	HCM-X18-44
3362	Erytason^{SV}	Erythromycin, Trimethoprim	Ống, lọ	10ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị viêm phổi, phế quản, CRD, một số bệnh tiêu chảy, phân trắng, tụ huyết trùng	HCM-X18-45
3363	Herogen^{SV}	Gentamycin, Analgin, Chlorpheniramin	Ống, lọ	10ml 10; 20; 50; 100ml	Sốt cao, cảm cúm, viêm phổi, viêm vú, tiêu chảy, thương hàn	HCM-X18-47
3364	Calciboma	Calci gluconat, Magie clorua	Ống, lọ	10ml 50, 100, 250, 500ml	Bổ sung năng lượng, điện giải, giảm các cơn đau do co thắt	HCM-X18-48
3365	Mosquaty	Pyrithroid permethrin	Bình xịt	100, 200, 250ml	Trị KST ngoài da, ve, bọ, rận, muỗi	HCM-X18-49
3366	Dermovet	Erythromycin, Dexa	Bình xịt	100, 200, 250ml	Trị vết thương ngoài da, các bệnh về móng	HCM-X18-51
3367	Flumesol	Flumequin	Lọ	100, 200, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng ruột gây tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, THT	HCM-X18-52
3368	Neomycin	Neomycin, Dexamethason	Chai	10, 20, 50, 100ml	Điều trị các nhiễm trùng về mắt: viêm màng cứng, viêm kết mạc, loét bờ mi	HCM-X18-54
3369	Solamid	Chloramin	Gói, chai	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Sát trùng, tẩy uế, rửa vết thương	HCM-X18-55
3370	Vitamin A, D, E	Vitamin A, D, E	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml	Điều trị thiếu A, D, E, còi cọc	HCM-X18-56
3371	Achodin	Atropin	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Chống co thắt, cắt cơn hen phế quản, giải độc thuốc trừ sâu	HCM-X18-57
3372	Stanin	Strychnin	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Kích thích hô hấp, vận mạch, giải chất độc thần kinh	HCM-X18-58

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3373	Bamin-Bổ tiêm	Vitamin B1, B2, B6	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Kích thích tiêu hóa, trị bại liệt, phù thũng do thiếu vitamin B1, B2, B6	HCM-X18-59
3374	Pilocarpin	Pilocarpin	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Tăng tiết dịch, tăng nhu động ruột, chống phù, liệt ruột, liệt bọng đái	HCM-X18-60
3375	Biotin	Biotin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh về lông, móng, vết nứt, loét móng và da hóa sừng	HCM-X18-61
3376	Secotex	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, viêm khớp, viêm vú	HCM-X18-65
3377	Tylosin 20%	Tylosin	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-66
3378	Tysonicol	Tylosin tartrate, Thiamphenicol, Prednis	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Điều trị các bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Thiamphenicol	HCM-X18-67
3379	D.O.C-Typholong	Oxytetracyclin, Thiamphenicol, Dexamethason	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin và Thiamphenicol trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-68
3380	Isova	Ivermectin	Lọ, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị các bệnh nội ngoại ký sinh trùng như: Giun đũa, giun phổi, giun thận	HCM-X18-69
3381	Hisanti	Chlorpheniramin	Lọ, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị viêm mũi dị ứng, viêm kết mạc, dị ứng da, nổi mề đay, phù mạch	HCM-X18-70
3382	Streptomycin	Streptomycin sulfat	Lọ	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) gây ra	HCM-X18-71
3383	Benzynpenicillin	Benzylpenicillin	Lọ	1.000.000UI	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (+) gây ra	HCM-X18-72

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3384	Anazin-C	Analgin, Vitamin C	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm sốt, chống Stress, giảm đau trên trâu, bò, dê, cừu	HCM-X18-73
3385	Dexazin	Analgin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm kết hợp hạ sốt trong các bệnh truyền nhiễm trên gia súc	HCM-X18-74
3386	Dexavet	Dexamethasone sodium phosphate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị Shock, viêm, dị ứng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X18-75
3387	Amfuram C	Ampicillin Trihydrat, Sulfamethoxazol	Gói, lọ	10, 50, 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Ampicillin và S. methoxazol trên bê, cừu non, dê con, gia cầm và heo	HCM-X18-76
3388	Vagylox	Enrofloxacin, Dexamethasone	Hộp	6 viên/vỉ	Trị viêm nhiễm âm đạo, tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê	HCM-X18-77
3389	Flonicol 30%-SV	Florfenicol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X18-78
3390	Amcoly-Jec	Amoxycilline, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày ruột, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo	HCM-X18-79
3391	Zusanka	Levamysol, Niclosamid	Gói	2; 3; 5; 10; 50; 100g	Trị nội ký sinh trùng trên chó, mèo	HCM-X18-80
3392	SV-Amoxy	Amoxycilline	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amox trên trâu, bò, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X18-81
3393	Selen-Plus	Selenit natri, Vitamin E, A, Zinc sulfate	Gói, lọ	10; 50; 100; 500; 1kg	Phòng và trị loạn dưỡng cơ, kích thích tăng miễn dịch trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-82

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3394	Biozim	Biotin, Zinc oxit, Calci pentothenat, Vit A, E, B2, PP, Axít Folic	Gói, lọ	10; 50; 100; 500; 1kg	Kích thích, cải thiện da, lông, móng	HCM-X18-83
3395	Sumococci	Sulfadimidin, Berberin	Gói, lọ	10; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên heo, dê non, cừu non, gia cầm	HCM-X18-84
3396	Mycovet	Nystatin	Gói, lọ	10; 50; 100; 500; 1kg	Phòng và trị bệnh do nấm	HCM-X18-85
3397	Ampicillin	Ampicillin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin trên bò, lợn, cừu, gia cầm	HCM-X18-86
3398	Flodoxy-SV	Florfenicol, Doxycyclin	Chai, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X18-87
3399	Butasal	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển ở gia súc non	HCM-X18-88
3400	Tylanvit-C	Tylosin tartarat, Vitamin C, A, Sulfadimidine Natri	Gói, lon	10, 50, 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin và sulfadimidin trên heo; Phòng chảy máu ruột non và phòng ngừa viêm phổi	HCM-X18-89
3401	Amfuram C	Ampicillin Trihydrat, Sulfamethoxazol	Gói, lon	10, 50, 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn mẫn cảm với ampicillin và sulfamethoxazol trên bê, cừu non, dê con, gia cầm và heo	HCM-X18-90
3402	Doxysova	Doxycyclin (hyclat)	Túi, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, heo, gia cầm	HCM-X18-91

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3403	Trime-Colic	Trimethoprim, Colistin sulfat	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Colistin trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM-X18-92
3404	Amodiar	Amoxicillin trihydrat, Colistin sulfat	Túi, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm thanh quản, viêm tử cung, âm đạo có mủ, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gà, vịt, cút	HCM-X18-93
3405	Neo-Colic	Neomycin sulfat, Colistin sulfat	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-94
3406	Norfmy	Norfloxacin HCl	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày ruột, tiết niệu trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-95
3407	Iodin-SV	Povidone-iodin	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Sát trùng ngoài da trên súc vật	HCM-X18-96
3408	Tylodoxy	Tylosintartrate, Doxycyclin hydrate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycyclin trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X18-97
3409	Neodox	Doxycyclin hyclate, Neomycin sulfate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Doxycyclin	HCM-X18-98
3410	Gentadoxy	Doxycyclin hyclate, Gentamycin sulfate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin và Doxycyclin trên bê nghé, lợn và gia cầm	HCM-X18-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3411	Colidox	Colistin sulfate, Doxycyclin hyclate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Doxycyclin ở lợn và gia cầm	HCM-X18-100
3412	Gaspirin-C	Aspirin, Vitamin C	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Hạ nhiệt, giảm sốt, giảm stress cho vật nuôi	HCM-X18-101
3413	Ampi-Coli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfat	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-102
3414	Decavit-B12	Vitamin B12	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và điều trị thiếu máu do thiếu vitamin B12 trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-103
3415	Metacal-D3	Vitamin D3	Ống, lọ	2,5ml; 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và chữa các bệnh do thiếu Vitamin D3 trên trâu, bò	HCM-X18-104
3416	Gentamox-SV	Amoxcycillin trihydrate, Gentamycin sulfat	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê	HCM-X18-105
3417	Amoxyl	Amoxiciline	Viên	12g	Trị viêm tử cung trên bò	HCM-X18-106
3418	Timi-DO-SV	Tilmicosin phosphate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên bò	HCM-X18-107
3419	Bromhexin	Bromhexin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Giảm ho, long đờm trên trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	HCM-X18-108
3420	Ampi-Coli-SV	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfat	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng huyết, nhiễm trùng sinh dục - tiết niệu, viêm vú cấp tính trên ngựa, bò, cừu, lợn	HCM-X18-109

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3421	K.C Fluxin	Flunixin meglumin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm, giảm đau trong rối loạn cơ xương trên ngựa, trâu, bò, heo	HCM-X18-110
3422	Úm gà vịt	Oxytetracycline HCL, Vitamin A, B1, B2, B6, B12, C, D3, E, K3, Acid folic, Pantothenic acid, Nicotinic acid	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	HCM-X18-111
3423	Tulamucin	Tulathromycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X18-112
3424	Khẹc vịt	Tylosin, Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi trên heo, gia cầm	HCM-X18-113
3425	Santel	Closantel	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị giun, sán trên trâu, bò, cừu	HCM-X18-114
3426	Cosin-200	Tilmicosin phosphate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X18-115
3427	Robecoc	Robecoc	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X18-116
3428	Pensttrep-SV	Dihydrostreptomycin sulfate, Penicillin G procain	Chai	30g	Trị viêm vú, viêm tử cung, sảy thai truyền nhiễm, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương, trên trâu, bò, ngựa, dê, heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X18-117
3429	Spiracin	Spiramycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò	HCM-X18-118

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3430	Calci-Biotin	Calcium pantothenate, Biotin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu can xi trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó	HCM-X18-119
3431	Leva.Samid	Niclosamide, Levamisole	Chai	100; 150; 200; 500; 1000 viên	Trị giun, sán trên chó	HCM-X18-120

27. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y ANPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3432	Ampi-Coli	Ampicillin, Colistin	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Trị các bệnh đường tiêu hóa và hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X19-01
3433	Anti-Stress	Ascorbic, NaCl, NaHCO3, MgSO4, KCl, Ca	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Tăng cường sức khỏe và hoạt động chống tình trạng stress	HCM-X19-04
3434	B.Complex-C	Vitamin B1, B2, B5, B6, PP	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin	HCM-X19-05
3435	Calphovit	Ca, P, itA, D3, E, Methionin K3, B1, B2, B6, PP, C	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Phòng và trị bệnh suy dinh dưỡng, chống còi xương	HCM-X19-06
3436	Ampi-Ery	Ampicillin tryhydrate, Erythromycin	Túi	10; 20; 50; 100; 500, 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X19-15
3437	Erycolivet	Erythromycin, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 50; 100; 500, 1kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, THT trâu bò. Viêm ruột, viêm phổi, THT, thương hàn trên heo, gà, vịt	HCM-X19-16
3438	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn, mẫn cảm với Enrofloxacin	HCM-X19-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3439	Genta-Cepha	Cephalexin, Gentamycin, Vitamin B Complex	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Phòng và trị những bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X19-23
3440	Levamisol	Levamisol HCl	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Chống ký sinh trùng đường ruột	HCM-X19-30
3441	Neotesul	Oxytetracyclin HCL, Neomycine	Túi	10; 20; 50; 100; 500, 1kg	Trị phân trắng, viêm phổi, THT trên heo, CRD, THT, viêm mũi ở gia cầm, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, THT trâu, bò	HCM-X19-31
3442	Norfloxacin 30%	Norfloxacin	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa	HCM-X19-32
3443	Terramycin 500	Oxytetracyclin, Sulfamid, Vit A	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường ruột	HCM-X19-36
3444	UGV.Vita	Oxytetracyclin HCL, Spiramycin, Vit A	Túi	10; 20; 50; 100; 500, 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp ở gia cầm non	HCM-X19-40
3445	Vitamin C 12,5%	Vitamin C	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Tăng cường sức đề kháng và phòng chống stress	HCM-X19-41
3446	Soluble Vitamix	Vit A, D, E, K, B1, B2, B6, B5, B12, PP, H, C...	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Bổ sung các loại Vitamin cho gia súc và gia cầm	HCM-X19-105
3447	Colitrim	Colistin sulfate, Trimethoprim	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, THT trên bê, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X19-106
3448	Genta-Bactrim	Gentamycin sulfat	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên bê	HCM-X19-107
3449	Dolan	Doxycyclin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên bê, heo, gà, vịt	HCM-X19-108

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3450	Doxy-Tylo	Doxycyclin, Tylosin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X19-110
3451	Kháng sinh vịt	Oxytetracyclin, Tylosin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu hóa, hô hấp trên vịt	HCM-X19-111
3452	Toi gia cầm	Tetracyclin, Erythromycin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin và Erythromycin trên gà, vịt, thỏ	HCM-X19-112
3453	Amox-Coli	Amoxycillin, Colistin	Túi, lon	10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng trên bê, ngựa con, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X19-113
3454	Ampikan	Ampicillin trihydrate	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	HCM-X19-114
3455	Cefadroxil	Cefadroxil	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	HCM-X19-115
3456	Amoxicilin	Amoxycilline trihydrate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm phổi trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X19-116
3457	Amox-Genta	Amoxycilline trihydrate, Gentamycin sulfate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, viêm ruột, dạ dày - ruột, tiêu chảy, phó thương hàn trên	HCM-X19-117

28. CÔNG TY TNHH QUỐC MINH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3458	QM-Amcol	Ampicillin, Colistin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 1kg; 50g	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với ampicillin, Colistin như CRD, sổ mũi truyền nhiễm, THT, E.coli, thương hàn	HCM-X20-01
3459	QM-ADEK GUM Soluble	Vitamin: A; B2; B5; C; D3; E; K3; PP; Sodium bicarbonate; Sorbitol; Methionine	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Dùng phối hợp để trị Gumboro, xuất huyết, tăng cường chức năng gan, cung cấp vitamin, acid amin giúp tăng sức đề kháng ở gia cầm	HCM-X20-03
3460	QM-ADEK Soluble	Vitamin: A; B1; B2; B5; B6; B12; D3; K3; PP	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Phòng bệnh thiếu vitamin cho gia súc, gia cầm. Giảm stress do thời tiết thay đổi, tiêm chủng	HCM-X20-04
3461	QM-Anti Diarrhoea	Neomycine sulfate; Oxytetracycline	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 1kg,50g,	Trị tiêu chảy phân trắng trên gia súc, gia cầm	HCM-X20-05
3462	QM-C .W . M	Chlotetracyline; Lysin; Ca.gluconate; Vit A; B5; B6; C; D3; E	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Ngăn ngừa và trị các bệnh về đường hô hấp, đường tiêu hóa, bệnh viêm rốn	HCM-X20-06
3463	QM-Cephacine	Cephalexine	Gói Hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị viêm phổi, suyễn, viêm đường niệu, tiêu chảy ở lợn; viêm phổi, THT gia cầm	HCM-X20-07
3464	QM-Amoxin	Amoxicillin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 1kg 50g	Trị CRD, viêm ruột do E.coli, Salmonella ở gia cầm; viêm phổi, thương hàn, THT ở lợn	HCM-X20-08

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3465	QM-Codovit	Colistin sulfate; Doxycyclline HCl	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị CRD, E.Coli, salmonella ở gia cầm; viêm ruột do E.coli, salmonella, viêm khớp, xoang mũi do Mycoplasma ở lợn	HCM-X20-09
3466	QM-Coxyvit	Oxytetracycline, Colistin, Vit A, D3, E, B2, B12, B5, PP	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do bệnh mồng tím, nhiễm trùng đường ruột, tăng cường sức đề kháng, ngừa stress	HCM-X20-10
3467	QM-Erycin	Erythromycine	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục ở lợn; CRD, CCRD, thương hàn, E.coli, ở gia cầm	HCM-X20-11
3468	QM-Doxysol	Doxycycline	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg;	Trị viêm xoang mũi, viêm khớp do Mycoplasma, CRD. sưng phù đầu, viêm rốn, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, THT ở lợn, gia cầm	HCM-X20-12
3469	QM-NC-SOL	Colistine sulfate; Neomycine sulfate	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 1kg; 50g	Trị viêm mũi, CRD, sưng phù đầu ở gia cầm; tiêu chảy do E.coli, Salmonella ở lợn, trâu, bò,...	HCM-X20-15
3470	QM-Baci-Ecolie	Trimethoprim, Colistin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, E.coli, salmonella ở gia súc, gia cầm	HCM-X20-16
3471	QM-Coliprim	Trimethoprim, Sulfadiazin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng huyết, viêm ruột, viêm khớp, viêm phổi, viêm phế quản	HCM-X20-17
3472	QM-N.OX 10	Neomycin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 50, 100; 500g; 1kg	Trị bệnh tiêu chảy do E.coli ở lợn, dê	HCM-X20-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3473	QM-Piperazine	Piperazine Adipate	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Trị giun, sán, các loại giun đường tiêu hóa cho gà, heo, chó, trâu, bò như: Giun đũa, giun kim, giun kết hạt, giun tóc	HCM-X20-19
3474	QM-S.L.S	Oxytetracylin; Lysin; Methionine; Vit: A; B2; B5; B12; D3; E; PP	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin, amino acide cần thiết cho gà, vịt, cút đẻ giúp tăng năng suất trứng	HCM-X20-20
3475	QM-Speclin	Lincomycin Spectinomycine	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Điều trị bệnh viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm phổi ở lợn	HCM-X20-21
3476	QM-Spicol	Spiramycin abidate; Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm ruột, thương hàn, THT, viêm vú, tiêu chảy ở lợn, trâu, bò; CRD, E.coli, viêm rốn, viêm xoang mũi ở gia cầm	HCM-X20-22
3477	QM-Tycol	Tylosin tatrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị viêm phổi, THT, viêm vú, tử cung, viêm ruột tiêu chảy, phù thũng ở lợn và trâu bò; CRD, E.coli, viêm túi khí, ở gia cầm	HCM-X20-23
3478	QM-Macro	Tylosin tatrate	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị viêm phổi, suyễn, tiêu chảy, ở lợn; thương hàn, phó thương hàn, bạch lỵ E.coli ở gia cầm	HCM-X20-24
3479	QM-C.R.D	Tylosin tatrate, Doxycycline	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị bệnh CRD, CRD ghép E.coli, viêm phế quản	HCM-X20-25
3480	QM-Quinococ	Sulfaquinoxalin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng ở gia cầm do E.tenela, E.necatrix, E.acervulina	HCM-X20-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3481	QM-Gentaxin	Gentamicin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị E.coli, viêm ruột tiêu chảy, TH, THT ở lợn; viêm xoang mũi, sưng phù đầu, CRD gia cầm	HCM-X20-27
3482	QM-ENFLOX	Enrofloxacin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị viêm phổi do Mycoplasma, tiêu chảy ở lợn; CRD, CCRD, thương hàn, E.coli ở gia cầm; viêm phổi, tiêu chảy ở trâu, bò	HCM-X20-28
3483	QM-mequin	Flumequin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị bệnh do E.coli, salmonella, pasteurella, staphylococcus ở lợn và gia cầm	HCM-X20-29
3484	QM-S2	Spiramycin abidate; Sulfadimidine	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị viêm phế quản, phổi, THT ở lợn, trâu bò; bệnh khẹt mũi, bệnh do Mycoplasma ở gia cầm	HCM-X20-30
3485	QM-Floxin	Norfloxacin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị tiêu chảy, phù thũng, sưng mắt ở lợn; viêm ruột, thương hàn, THT, CRD ở gia cầm	HCM-X20-31
3486	QM-Coccisol	Sulfadimidine; Diaveridin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng do E.tenela, E.necatrix, E.acervulina	HCM-X20-32
3487	QM-Electrolyte Blend	Sodium bicarbonate; Sodium chloride; Cu; Potassium; Mg; Zn	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Phòng ngừa Stress, cân bằng chất điện giải trong cơ thể gia súc, gia cầm	HCM-X20-33
3488	QM-Bloom Inj	Cocadilate sodium, Citratrate sắt amonium, Methionin HCl, Chlohydrate Histidin, Tryptophan, Acetate Coban, Cyanocobalamin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Dùng trong trường hợp thú ăn không ngon miệng, biếng ăn, tăng trưởng chậm, tình trạng cơ thể gầy yếu và chống sự mất máu ở gia súc	HCM-X20-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3489	QM-Decaris	Levamisol HCl	Gói	2; 5; 10; 50; 100g	Tẩy các loại giun tròn ký sinh ở đường ruột, đường hô hấp ở gia súc, gia cầm như	HCM-X20-35
3490	QM-Enrofloxin Inj	Enrofloxacin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin ở trâu bò, heo	HCM-X20-36
3491	QM-Polyxin INJ	Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị viêm ruột tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột, phù thủng ở heo con, viêm thận, viêm bàng quang, viêm tử cung, viêm đa khớp	HCM-X20-37
3492	QM-Nortril 100	Norfloxacin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn, tụ huyết trùng, nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, viêm phổi, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X20-38
3493	QM-Tiamulin	Tiamulin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh: hồng lỵ ở heo, đóng dấu, đau móng, viêm phổi, Leptospira	HCM-X20-39
3494	QM-Lincoject	Lincomycin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh gây ra do Staphy-lococci, Streptococci, Erysipelothris, Mycoplasma	HCM-X20-40
3495	QM-Sulfomide 33	Sufamethoxazon	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm rốn, viêm khớp,...	HCM-X20-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3496	QM-Spira 20	Spiramycin adipate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phế quản - phổi, viêm phổi địa phương, viêm khớp, nhiễm trùng đường ruột, đóng dấu, viêm vú, viêm tử cung ở gia súc, gia cầm	HCM-X20-42
3497	QM-Kanamycin 100	Kanamycin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, nhiễm trùng huyết, viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi, nhiễm trùng sau phẫu thuật	HCM-X20-43
3498	QM-Gentavet	Gentamycin sufate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, viêm vú, viêm tử cung ở trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X20-44
3499	QM-Terracin 100	Oxytetracyclin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, PTH, kiết lỵ, viêm tử cung, đau móng, viêm xoang mũi và viêm phổi	HCM-X20-45
3500	QM-Tylo 200	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm phổi do P. multocida và Cor. pyogenes gây ra, trên heo điều trị viêm phổi, đóng dấu, hồng lỵ, đau móng, viêm phế quản. Trên gia cầm điều trị CRD, C.CRD	HCM-X20-46
3501	QM-Vit.B1 Inj	Vitamin B1	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bại liệt, phù nề, suy nhược, thấp khớp, viêm dây thần kinh, rối loạn thần kinh, tim mạch	HCM-X20-47
3502	QM-Anagin C Vit	Analgin, Vitamin C	Ống,lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, phòng ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau khi bị bệnh	HCM-X20-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3503	QM-ADEBC Ject	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, PP, D-Panthenol	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-50
3504	QM-Vita 6B + C	Vitamin B1, B2, B6, B12, B5, PP, C, Methionin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-51
3505	QM-Vita Amino Fort	Dextrose, Ca, Mg, Potassium chloride, Methionin, Cystin, Lysin, Vit B1, B6, PP	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng, bổ sung acid amin cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-52
3506	QM-Amcoli-D	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, viêm đa khớp, phù đầu, THT, thương hàn	HCM-X20-53
3507	QM-Sultrim 24	Sulfamethoxason, Trimethoprim	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng máu, nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, đau móng, viêm vú	HCM-X20-54
3508	QM-Dexamethasone	Dexamethasone	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Chống dị ứng, viêm da, viêm khớp, bao khớp, aceton, keton huyết, shock và stress	HCM-X20-56
3509	QM-QM-Peni-Strep	Penicillin G sodium Streptomycin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm phổi, viêm vú, viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, đóng dấu, viêm khớp, viêm tử cung	HCM-X20-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3510	Peta-Peni.4T	Penicillin G sodium Penicillin G procaine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, khí quản, nhiễm trùng máu, thối rữa, lở loét. Viêm nhiễm cơ quan niệu dục, áp xe, mụn nhọt, mụn mủ trên da. Trị bệnh đóng dấu son, nhiệt thán, viêm vú	HCM-X20-58
3511	QM-Speclin	Lincomycin HCl, Spectinomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm khớp do Mycoplasma, tiêu chảy do E.coli, dấu son, viêm ruột tiêu chảy, viêm móng, CRD, E.coli	HCM-X20-59
3512	QM-Spiratin	Spiramycin, Colistin sulphate Monopropylene glycol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh viêm phổi ở bê, heo con; Bệnh phù nề trên heo con do E.coli; viêm ruột, E.coli; viêm phổi, viêm khớp, viêm vú	HCM-X20-60
3513	QM-Gentasul	Gentamicin, Sulphadimidine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, viêm tử cung, đau móng, viêm phổi, viêm xoang mũi	HCM-X20-61
3514	QM-Tiacol	Tiamulin, Colistin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh hồng, viêm phổi địa phương, Mycoplasma	HCM-X20-62
3515	QM-Tyracin	Tylosin, Tetracyclin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, bệnh hồng lỵ, bệnh do Mycoplasma, đau móng, viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, thương hàn,...	HCM-X20-63
3516	QM-Florson	Florphenicol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh viêm ruột, tiêu chảy, đóng dấu, tụ huyết trùng, thương hàn, kiết lỵ; bệnh phân trắng, phân xanh, phân nhớt, thương hàn	HCM-X20-64

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3517	QM-Spira-S	Spiramycin, Streptomycin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị CRD, viêm túi khí, nhiễm trùng; tiêu chảy, viêm phổi địa phương, dấu son, viêm phổi, viêm nội mạc tử cung, viêm khớp, áp xe, thương hàn	HCM-X20-65
3518	QM-Neopencin	Benzyl Penicilline, Neomycine sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	HCM-X20-66
3519	QM-Amoxgen	Gentamicin sulphate, Amoxicilin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Đặc trị viêm phổi, bệnh Clostridia, viêm ruột, viêm khớp	HCM-X20-67
3520	QM Streptomycin	Streptomycin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị lao phổi, viêm vú cấp tính, viêm tử cung, bệnh lỵ, tiêu chảy do Vibrio, thương hàn, PTH, bệnh đóng dấu, THT, sưng mào ở gia cầm, bệnh do E.coli, Salmonella	HCM-X20-75
3521	QM Amoxicillin	Amoxicillin trihydrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, thương hàn, THT, viêm ruột tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương, áp xe	HCM-X20-76
3522	QM-Sulfadimidin Sodium	Sulfadimidin sodium	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị THT, viêm khí quản, màng phổi - phổi, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, dạ con, viêm vú	HCM-X20-77
3523	QM-Enrofloxacin	Enrofloxacin HCl	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr (-), Gr (+) và Mycoplasma	HCM-X20-78

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3524	QM-Oxytetracyclin HCl	Oxytetracyclin HCl	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị các bệnh truyền nhiễm gây ra bởi các vi khuẩn Gr (+), Gr (-) và Mycoplasma	HCM-X20-79
3525	QM-Colistin Sulfate	Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy phân trắng do E.coli, bệnh thương hàn, PTH, bạch lỵ, THT	HCM-X20-80
3526	QM-Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, C.CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm ruột tiêu chảy; viêm phổi phế, suyễn heo do Mycoplasma, lỵ do Vibrio	HCM-X20-81
3527	QM-Spiramycin 50%	Spiramycin adipate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm màng hoạt dịch; suyễn, viêm phế quản, khí quản	HCM-X20-82
3528	QM-Flumequin 50%	Flumequin sodium	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị tiêu chảy phân trắng, E.coli, bệnh phù thủng sau cai sữa, thương hàn, PTH, THT, viêm sổ mũi truyền nhiễm	HCM-X20-83
3529	QM-Sulfadiazin Sodium 99%	Sulfadiazin sodium	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, phụ nhiễm vi trùng, nhiễm trùng sinh dục, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X20-85
3530	QM-Amoxicillin trihydrate 98%	Amoxcillin trihydrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bạch lỵ gà con, thương hàn, E.coli, viêm ruột, THT, tiêu chảy phân trắng ở lợn con, viêm khí quản, viêm màng phổi, hội chứng MMA ở heo nái	HCM-X20-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3531	QM-Amoxycol	Amoxicillin trihytrate, Colistin sulfate.	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin và Colistin gây ra trên bê, nghé, heo con, chó, mèo	HCM-X20-68
3532	QM-Feron B.comp	Iron, Vitamin B1, B6, B12	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng thiếu máu do thiếu sắt, bổ sung vitamin cần thiết giúp thú tăng trọng nhanh	HCM-X20-69
3533	QM-Colexin	Cephalexin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Cefalexin gây ra trên chó, mèo	HCM-X20-70
3534	QM-Vita ADE	Vitamin A, D3, E	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Ngăn ngừa và trị các bệnh do thiếu vitamin A, D3, E gây ra	HCM-X20-71
3535	QM-Colmycin	Kanamycin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin gây ra	HCM-X20-72
3536	QM-Amoxyl LA	Amoxicillin trihydrate	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	HCM-X20-73
3537	QM-Vita C Fort	Vitamin C	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa Stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau điều trị trển trâu, bò, heo, chó, mèo	HCM-X20-87
3538	QM-Difloxyl	Difloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Difloxacin gây ra trên bê, nghé, chó	HCM-X20-89
3539	QM-Ivertin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo	HCM-X20-90

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3540	QM-Atropin	Atropin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống co thắt, co giật, giải độc trên bò, ngựa, cừu, chó, mèo	HCM-X20-91
3541	QM-Mafloxyl	Marbofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-92
3542	QM-Erycoltin	Erythromycin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin và Colistin gây ra trên bò, heo	HCM-X20-93
3543	QM-Propenkan	Kanamycin, B.penicilin proca	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp và tiết niệu, bệnh viêm khớp trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X20-94
3544	QM-Procpen	Benzyl penicilin procain	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X20-95
3545	QM-Calfein	Calcium gluconate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Chống thiếu Canxi, bại liệt, co cơ, tetanus, sốt sữa trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X20-96
3546	QM-Mequintacin	Flumequin	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, gia cầm	HCM-X20-98
3547	QM-Metapron	Analgin	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, giảm co thắt, trị đau khớp và hạ sốt trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo, chó	HCM-X20-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3548	QM-Ambiotec	Ampicillin trihydrate	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm màng não, hoại tử tai, viêm ruột, viêm khớp, viêm thận, viêm đường tiết niệu, viêm bàng quang trên bò, lợn, chó, mèo	HCM-X20-100
3549	QM-Baciecoli-F	Florfenicol	Gói, bao, xô	10; 20; 50; 100; 400; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-102
3550	QM-Ceftifur	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-103
3551	QM-Flor-LA	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-74
3552	QM-Spectol	Spectinomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin gây ra trên dê, cừu và heo con	HCM-X23-08
3553	QM-Toltracoc	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X23-09
3554	QM-Neolin	Neomycin sulfate, Kaolin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh tiêu chảy và viêm ruột trên bê, ngựa con, cừu non, heo con, chó, mèo	HCM-X23-11
3555	QM-Colimax	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên heo con, dê non, cừu non	HCM-X23-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3556	QM-Spiraject	Spiramycine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, gia cầm	HCM-X20-101
3557	QM-Penistrep suspension	Penicillin G procaine, Dihydrostreptomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng trên trâu, bò, ngựa, heo, dê	HCM-X20-104
3558	QM-Enro. O	Enrofloxacine HCL	Lọ	5:10; 20 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp và dạ dày, ruột gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine	HCM-X20-105
3559	QM-Nor. O	Norfloxacin HCl	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin trên gia cầm	HCM-X20-106
3560	QM-Mectin. P	Ivermectin	Gói, bao, xô	50; 100; 400; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị bệnh do nội và ngoại ký sinh trùng trên heo	HCM-X20-107
3561	QM-Teracol suspension	Colistin sulfate, Oxytetracyclin HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Colistin và Oxytetracyclin cho bò, cừu, dê, ngựa, heo, chó, mèo	HCM-X20-108
3562	QM-Tiamulin. P 20	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao, xô	50; 100; 400; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bệnh lỵ trên heo	HCM-X20-109
3563	QM-Tylo DT	Thiamphenicol, Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm vú, tử cung, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X20-110

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3564	QM-Sone	Florfenicol, Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, gia cầm	HCM-X20-111
3565	QM-Tylogenta sone	Tylosin tartrate, Gentamycin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp và sinh sản do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin, Gentamycin gây ra trên trâu, bò, lợn	HCM-X20-112
3566	Peta-B.Thionin.C	Vitamin B1, B2, B6, B12, C, PP, DL-Methionin, Glucose, Taurin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Cân đối vitamin và acid amin thiết yếu cho thú nuôi kể cả động vật nhai lại	HCM-X20-113
3567	Peta-Florson LA	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-114
3568	Peta-Erycol inj	Erythromycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin, Colistin gây ra	HCM-X20-115
3569	Peta-C Vit inj	Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, ngăn ngừa stress. kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau mỗi lần điều trị trên bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X20-116
3570	Peta-Neopensus	Benzyl penicillin procain, Neomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Neomycin như: hô hấp, sinh dục, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp và phụ nhiễm trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn	HCM-X20-117

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3571	Peta-Gentacin.S	Gentamycin sulfate, Sulfadimidine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng, viêm phổi, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm ruột, viêm vú	HCM-X20-118
3572	Peta-Tolcox	Toltrazuril	Bình, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo con, cừu và dê con	HCM-X20-119
3573	Peta-Fosfan B_{12}	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Dùng bổ dưỡng cho thú khi cơ thể bị thiếu hụt dinh dưỡng, rối loạn hấp thu, thú bị thiếu phosphore, sinh sản kém, thú bị stress, kiệt sức, quá sức, giảm sức đề kháng, thiếu máu	HCM-X20-120
3574	Peta-Fer B_{12} inj	Iron (Iron dextran), Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu trên bê, nghé, lợn con	HCM-X20-121
3575	Peta-Tiamulin	Tiamulin (Fumarate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, hô hấp, bệnh lỵ, viêm phổi phức hợp, viêm teo mũi truyền nhiễm trên lợn	HCM-X20-122
3576	Peta-Flu Oral	Flumequin	Bình, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin như: E.coli, Samonella, Pasteurella trên bê, gà, vịt	HCM-X20-123
3577	Peta-Tilcosin Oral	Tilmicosin	Bình, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X20-124

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3578	PETA-OTC inj	Oxytetracyclin base	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	HCM-X20-125
3579	PETA-Amox LA	Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp do vi khuẩm gram dương gây ra	HCM-X20-126
3580	PETA-Tylo DT	Thiamphenicol Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phế quản, thối móng, viêm vú, viêm tử cung, tụ huyết trùng, viêm phổi, nhiễm trùng huyết, tiêu chảy, viêm ruột, hội chứng MMA, sốt sữa, trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HCM-X20-127
3581	PETA-Colistin inj	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra	HCM-X20-128
3582	PETA-Sone	Florfenicol, Oxytetracyclin HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị Tụ huyết trùng, viêm phổi, màng phổi, viêm teo mũi truyền nhiễm. tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-129
3583	PETA-Dexa inj	Dexamethasone sodium phosphate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm, bệnh ngoài da viêm khớp, thấp khớp trâu, bò, heo	HCM-X20-130
3584	PETA-Mectin inj	Ivermectin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, cừu	HCM-X20-131
3585	PETA-Cepha sus	Cephalexin monohydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng da, áp xe, nhiễm trùng hô hấp, nhiễm trùng đường tiết niệu	HCM-X20-132

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3586	PETA-Genamox sus	Gentamycin sulfate Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm ruột, viêm vú trên ngựa, bò, heo, dê, cừu	HCM-X20-133
3587	PETA-Penstrep sus	Benzylpenicillin procain, Dihydrostreptomycine sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và Dihydrostrepto-mycin trên ngựa, trâu, bò, dê, heo	HCM-X20-134
3588	PETA-Analgin	Analgin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, heo	HCM-X20-135
3589	PETA-Calcium inj	Calcium gluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Cung cấp Calcium trong trường hợp thú bị thiếu khoáng, khẩu phần thức ăn không cân đối, bị stress	HCM-X20-136
3590	PETA-Gentatylo	Tylosin tartrate Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Gentamycin chủ yếu trên đường hô hấp và sinh sản (hội chứng MMA)	HCM-X20-137
3591	PETA-Flumtacin sus	Flumequin base	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa do E.coli, Salmonella, Pasteurella, bệnh đường hô hấp do Staphylococcus trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X20-138
3592	PETA-Enro oral	Enrofloxacin base	Lọ, bình nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa do E.coli trên gia cầm	HCM-X20-139

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3593	PETA-Cocci oral	Sulfadimidine sodium Sulfaquinoxaline sodium	Lọ, bình nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị tiêu chảy, viêm ruột, tụ huyết trùng	HCM-X20-140
3594	PETA-Antiecoli	Neomycin (sulfate) Colistin (sulfate)	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột trên bê, cừu non, ngựa non, heo, thỏ, gia cầm	HCM-X20-141
3595	PETA-CRD	Doxycyclin Hyclate Tylosin tartrate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột trên bê, dê, cừu, heo và gia cầm	HCM-X20-142
3596	PETA-Flor premix	Florfenicol	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng	HCM-X20-143
3597	PETA-Amoxcol	Amoxicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-144
3598	Colamoxin	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu bò, dê, cừu, heo và gia cầm	HCM-X20-145
3599	B complex C	Vitamin: B1, B2, B6, B12, PP, C, Methionine, glucose, taurine	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-146
3600	Ampicol	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, viêm đa khớp, phù đầu, tụ huyết trùng, thương hàn	HCM-X20-147

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3601	Peta-Amcoli sus	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, viêm đa khớp, phù đầu, tụ huyết trùng, thương hàn	HCM-X20-148
3602	Dexaject	Dexamethasone sodium phosphate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Chống dị ứng, viêm da, viêm khớp, viêm bao khớp, bệnh aceton, keton huyết, shock và stress	HCM-X20-149
3603	Gentamoxyl	Gentamycin sulfate Amoxicillin trihydrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị viêm phổi, bệnh Clostridia, viêm ruột, viêm khớp	HCM-X20-150
3604	Fer B12 ject	Iron dextran, Vitamin B12	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Phòng thiếu máu do thiếu sắt, bổ sung vitamin cần thiết giúp thú tăng trọng nhanh	HCM-X20-151
3605	AMOXYLA	Amoxicillin trihydrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp do vi khuẩn Gam +, Pasteurella	HCM-X20-152
3606	VITA C JECT	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau điều trị trên trâu, bò heo, chó, mèo	HCM-X20-153
3607	MECTINJECT	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nội, ngoại, ký sinh trùng trên trâu, bò, heo	HCM-X20-154
3608	Anagin ject	Analgin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Giảm đau, giảm co thắt, trị đau khớp và hạ sốt trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo, chó	HCM-X20-155

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3609	Florcombisone	Florfenicol Oxytetracyclin HCl	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu bò, heo, dê, gia cầm	HCM-X20-156
3610	Strepen inject	Benzylpenicillin procain Dihydrostreptomycin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng trên trâu, bò, ngựa, heo, dê. Do vi khuẩn nhạy cảm với Penicilline và streptomycine gây ra	HCM-X20-157
3611	PETA-OTC Spray	Oxytetracycline HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng vết thương trên gia súc	HCM-X20-158
3612	LEVAJECT	Levamisol HCl	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm giun trên đường tiêu hóa, giun móc, giun đũa, giun thận và giun phổi...	HCM-X20-159
3613	QM-FLOR. DOC	Florfenicol Doxycycline Hyclate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp tiêu hóa, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm màng não trên trâu, bò, heo	HCM-X20-160
3614	PETA-ANALGIN.C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, phòng ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau khi bị bệnh	HCM-X20-161
3615	PETA-ENRO 50 INJ	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, heo	HCM-X20-162
3616	PETA-SPIRATREP	Spiramycin Adipate Streptomycin sulfate	Chai, lọ	10,20,50,100ml	Trị CRD, viêm túi khí, nhiễm trùng Staphylococcus, tiêu chảy do vi trùng, viêm phổi địa phương, dấu son, viêm phổi, viêm nội mạc tử cung, viêm khớp, áp xe, thương hàn	HCM-X20-163

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3617	PETA-TIACOLIJECT	Tiamulin Fumarate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10,20,50,100ml	Trị bệnh hồng lỵ, viêm phổi địa phương, Mycoplasma	HCM-X20-164
3618	PETA-LEVA inj	Levamysol	Chai, lọ	10,20,50,100ml	Phòng và trị giun, sán đường tiêu hóa, phổi trên heo	HCM-X20-165
3619	QM-FOSFAN B_{12}	Butafosfan; Vitamin B12	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Dùng bổ dưỡng cho thú khi cơ thể bị thiếu hụt dinh dưỡng, rối loạn hấp thu, thú bị thiếu phosphore, sinh sản kém, thú bị stress, kiệt sức, giảm sức đề kháng, thiếu máu	HCM-X20-166
3620	QM-Tetra spray	Oxytetracyclin HCl	Bình xịt	100; 200; 500ml	Phòng và trị nhiễm trùng vết thương	HCM-X20-168
3621	QM-Colamoxin	Amoxicillin trihydrate; Colistin sulfate	Gói, bao, xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-169
3622	QM-Flor oral	Florfenicol	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5l	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X20-170
3623	QM-Tilmycosin Oral	Tilmicosin phosphate	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, gia cầm	HCM-X20-171
3624	QM-Apracin	Apramycin sulfate	Gói, bao, xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị viêm ruột trên bò, heo, gia cầm	HCM-X20-172
3625	PATROLYTE C	Paracetamol	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Giảm đau, hạ sốt trên heo, gia cầm	HCM-X20-173

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3626	ANALYTE C	Analgin,Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Giảm đau, hạ sốt, chống mất nước, chất điện giải trên gia súc, gia cầm	HCM-X20-174
3627	BROMSOLON	Bromhexin HCl	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Làm loãng đàm, tan đàm	HCM-X20-175
3628	TIADOXIN	Doxycyclin hyclate, Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X20-176
3629	GENDOXIN	Doxycyclin hyclate, Gentamycin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-177
3630	NEODOX	Doxycyclin hyclate, Neomycin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-178
3631	TYLOSULFA	Tylosin tartrate Sulfamethoxazol	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm ruột trên heo	HCM-X20-179
3632	ERYTERCIN	Oxytetracyclin HCl Erythromycin thiocyanate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bênh đường hô hấp trên bê, heo, gia cầm	HCM-X20-180
3633	AMPI.E	Ampicillin trihydrate Erythromycin thiocyanate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên gia cầm	HCM-X20-181

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3634	QM-TOLTRACOC pump	Toltrazuril	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500; 1; 2; 4; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo, dê non, cừu non	HCM-X20-182
3635	TRACIL PUMP	Colistin sulfate, Spectinomycin	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột trên heo, dê non, cừu non	HCM-X20-183
3636	VITA K INJ	Menadion sodium bisulfite	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh xuất huyết, cầm máu, giảm chảy máu trong phẫu thuật, tình trạng nghẽn mạch máu cấp tính hoặc mãn tính, nhiễm độc do tác nhân là chất chống đông máu	HCM-X20-184
3637	CALTAPHOS	Calcium (gluconate) Calcium (glucoheptonate) Chlorure magnesium Butafosfan	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh hạ Canxi hoặc thiếu Magiê hoặc thiếu Phospho gây sốt sản trên thú sinh sản, cương cơ, động kinh	HCM-X20-185
3638	TOLFEN LA	Tolfenamic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng hiệu quả trong điều trị bệnh viêm phổi, tiết dịch mũi, viêm vú cấp tính, viêm tử cung cấp tính, sốt sữa trên trâu, bò, heo	HCM-X20-186
3639	OXYLIN LA	Oxytetraxyclin base	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm móng, viêm rốn, bạch hầu, Lepto trên trâu, bò, heo	HCM-X20-187
3640	QM-Laczyme Soluble	Lactobacillus Acidophilus	Gói hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1, 10; 20kg	Cung cấp các vi khuẩn có lợi giúp kích thích tiêu hóa ngăn ngừa tiêu chảy, tiêu phân sống	HCM-X20-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3641	QM Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	2ml, 5ml 10ml	Điều trị sinh khó do tử cung co bóp yếu, sót nhau, sa tử cung, viêm tử cung, viêm vú, thuốc kích thích thải sữa, giúp bầu vú sạch	HCM-X20-55
3642	QM-Supercide	Glutaraldehyde, Alkylbenzyl dimethyl Ammonium chloride	Lọ, chai	100; 250; 500ml; 1; 2l	Sát trùng chuồng trại, lò ấp trứng, dụng cụ, thiết bị	HCM-X20-88
3643	QM-Skin Shampoo	Deltarmethrin	Gói, chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Diệt ve, chí, rận, giúp lông sạch, mượt trên chó, mèo	HCM-X20-97
3644	PETA-IODINE	Polyvinyl pyrrolidone iodine	Chai, lọ	10; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 3; 5 lít	Sát trùng vết thương, tẩy uế chuồng trại	HCM-X20-167
3645	GLUTACIDE	Glutaraldehyde, Alkylbenzyl dimethyl ammonium chloride	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25 lít	Sát trùng lò ấp, trại chăn nuôi, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi	HCM-X20-188

(Xem tiếp Công báo số 419 + 420)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng